

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÌNH HUỐNG ĐỂ
PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. NGUYỄN THỊ LIÊN
Đơn vị: TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC

NINH BÌNH, 2023

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÌNH HUỐNG ĐỂ
PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Chủ nhiệm nhiệm vụ: THS. NGUYỄN THỊ LIÊN

Đơn vị: TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC

Các thành viên: ThS. MAI THỊ THU HÂN

ThS. ĐẶNG THANH ĐIỂM

Đơn vị: KHOA NN – CNTT

ThS. NGUYỄN THỊ HUỆ

ThS. NGUYỄN THỊ LỆ THU

Đơn vị: TRƯỜNG PTTHSP TRẢNG AN

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu
(họ tên, chữ ký)

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(họ tên, chữ ký)

Phạm Đức Thuận

Nguyễn Thị Liên

NINH BÌNH, 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU	iii
BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT	iv
TRANG THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	v
MỞ ĐẦU	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của nhiệm vụ KH&CN	
2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN	4
3. Mục tiêu nghiên cứu	5
4. Đối tượng nghiên cứu	5
5. Phạm vi nghiên cứu	6
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	6
PHẦN NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	7
Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài	7
1.1. Cơ sở lý luận của đề tài	7
1.1.1. Phương pháp dạy học tình huống	7
1.1.1.1. Các khái niệm liên quan đến phương pháp dạy học tình huống	7
1.1.1.2. Ưu điểm và khó khăn khi áp dụng phương pháp dạy học tình huống	8
1.1.1.3. Tiến trình dạy học tình huống	11
1.1.2. Kỹ năng nói tiếng Anh	13
1.1.2.1. Khái niệm về kỹ năng nói	13
1.1.2.2. Kỹ năng nói vi mô và vĩ mô	13
1.1.2.3. Sự trôi chảy và tính chính xác	15
1.2. Cơ sở thực tiễn của đề tài	15
1.2.1. Thực trạng việc học tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Hoa Lư	15
1.2.2. Thực trạng việc sử dụng phương pháp dạy học tình huống trong dạy học tiếng Anh của trường Đại học Hoa Lư	17
Chương 2: Áp dụng phương pháp dạy học tình huống để phát triển kỹ năng nói trong học phần Anh văn thương mại căn bản 2	23
2.1. Bối cảnh nghiên cứu	23
2.1.1. Học phần Anh văn thương mại căn bản 2	23
2.1.1.1. Mô tả học phần	23
2.1.1.2. Thời lượng	23
2.1.1.3. Hình thức đánh giá của học phần	23
2.1.2. Phần Case Study trong giáo trình Market Leader (Pre-Intermediate)	

2.2. Tiến trình áp dụng dạy học tình huống trong học phần Anh văn thương mại căn bản 2 tại lớp D14KT	24
2.2.1. Xác định tình huống	24
2.2.2. Chia nhóm nghiên cứu tình huống	25
2.2.3. Xử lý tình huống	26
2.2.4. Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ tình huống.	27
Chương 3: Kết quả áp dụng phương pháp dạy học tình huống trong phát triển kỹ năng nói tiếng Anh.	30
3.1. Bối cảnh điều tra	30
3.1.1. Sinh viên D14 KT	30
3.1.2. Giảng viên dạy học phần Anh văn thương mại căn bản 2 tại lớp D14KT	30
3.1.3. Phiếu khảo sát	30
3.1.4. Bài kiểm tra thực hiện phần tình huống (case study)	30
3.2. Kết quả điều tra	31
3.2.1. Thái độ của sinh viên khi được áp dụng phương pháp dạy học tình huống.	31
3.2.1.1. Qua quan sát của giảng viên	31
3.2.1.2. Qua phiếu khảo sát	31
3.2.2. Kết quả học tập kỹ năng nói của sinh viên khi được áp dụng phương pháp dạy học tình huống	36
3.2.2.1. Điểm kiểm tra nói (xử lý tình huống ở bài 1 và bài 2)	36
3.2.2.2. Điểm kiểm tra nói (xử lý tình huống ở các bài từ bài 3 đến bài 9)	36
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	39
1. Kết luận	39
2. Kiến nghị	40
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN	42
TÀI LIỆU THAM KHẢO	43
PHỤ LỤC	46

DANH MỤC BẢNG BIỂU

- Bảng 1.1 Thống kê điểm thi kết thúc học phần của sinh viên D14 và D15
- Bảng 1.2 Chuẩn đầu ra trích trong Đề cương học phần TACN Làng nghề, Lễ hội Việt Nam (trang 307)
- Bảng 1.3 Chuẩn đầu ra trích trong Đề cương học phần TACN Di tích danh thắng Việt Nam (trang 325)
- Bảng 1.4 Chuẩn đầu ra trích trong Đề cương học phần TACN Du lịch, Lễ hành (trang 331)
- Bảng 1.5 Chuẩn đầu ra trích trong Đề cương học phần Anh văn thương mại căn bản 1 (trang 325)
- Bảng 1.6 Minh hoạ nội dung một bài trong học phần Anh văn thương mại căn bản 1 (trang 327)
- Bảng 1.7 Minh hoạ nội dung một bài trong học phần Anh văn thương mại căn bản 2 (trang 335)
- Bảng 1.8 Kết quả bài kiểm tra của sinh viên lớp D14 KT và QTKD
- Bảng 1.9 Minh hoạ đề kiểm tra thường xuyên 2 (Anh văn thương mại căn bản 1) – D14 KT và D14 QTKD
- Bảng 3.1 Kết quả trả lời Câu hỏi 1: Em đánh giá như thế nào về lợi ích của dạy học tình huống được sử dụng trong môn Anh văn thương mại căn bản 2?
- Bảng 3.2 Kết quả trả lời Câu hỏi 2: Em gặp khó khăn gì khi giải quyết phần tình huống môn Anh văn thương mại căn 2?
- Bảng 3.3 Kết quả trả lời Câu hỏi 3: Em nghĩ gì về những giải pháp khắc phục khó khăn dưới đây?
- Bảng 3.4 Điểm kiểm tra nói (xử lý tình huống)

BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
1	KH&CN	Khoa học và Công nghệ
2	AVTMCB2	Anh văn thương mại căn bản 2
3	D14 KT	D14 Kế toán
4	KNLNN	Khung năng lực ngoại ngữ
5	VN	Việt Nam
6	TC	Tín chỉ
7	SV	Sinh viên
8	CLO	Chuẩn đầu ra học phần
9	TACN	Tiếng Anh chuyên ngành
10	QTKD	Quản trị kinh doanh
11	PPDH	Phương pháp dạy học
12	PGS.TS	Phó giáo sư – Tiến sĩ

TRANG THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tiếng Anh chính là ngôn ngữ thiết yếu nhất cho sự thành công trong kinh doanh toàn cầu. Ngày nay người Việt Nam đã quan tâm đến tiếng Anh hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, có một thực tế là trong 4 kỹ năng ngôn ngữ cần thiết (Nghe, Nói, Đọc, Viết) thì kỹ năng Nói tiếng Anh của người Việt vẫn ở mức khá thấp so với các quốc gia khác, đặc biệt là kỹ năng Nói tiếng Anh chuyên ngành. Các nhà nghiên cứu cả ở trong nước và quốc tế đều quan tâm đến việc tìm ra phương pháp dạy và học tiếng Anh có hiệu quả. Là một phương pháp đã có từ lâu đời, dạy học tình huống được coi là phương pháp giúp người học phát triển kỹ năng lập luận cũng như các kỹ năng tư duy. Ở Việt Nam, có nhiều nghiên cứu về dạy học tình huống và việc ứng dụng phương pháp này vào những lĩnh vực khác nhau. Ở trường Đại học Hoa Lư cũng chưa có nghiên cứu tỉ mỉ, chính thức nào về phương pháp này. Chính vì vậy nhóm tác giả đã nghiên cứu phương pháp tình huống từ việc nghiên cứu lý thuyết như khái niệm, ưu nhược điểm của phương pháp cũng như tiến trình dạy học tình huống. Các tác giả cũng nghiên cứu cơ sở thực tiễn gồm thực trạng việc học tiếng Anh và việc sử dụng phương pháp tại trường Đại học Hoa Lư. Thành viên thực hiện đề tài cũng đã trực tiếp áp dụng phương pháp dạy học tình huống với học phần Anh văn thương mại căn bản 2 tại lớp D14KT. Từ kết quả quan sát lớp học, các ý kiến trả lời trên phiếu khảo sát và kết quả điểm nói xử lý tình huống, chúng ta nhận thấy được lợi ích, cũng như khó khăn khi học phương pháp này và hướng tới tìm những giải pháp khắc phục để áp dụng phương pháp dạy học tình huống có hiệu quả nhất. Với kết quả ban đầu đó, nhóm tác giả thấy phương pháp dạy học tình huống có thể áp dụng để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên trường Đại học Hoa Lư.

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của nhiệm vụ KH&CN

Có nhiều tác giả trên thế giới đã nghiên cứu về phương pháp dạy học tình huống, họ đưa ra các khái niệm, cách tiếp cận và đánh giá khác nhau về phương pháp này. “Phương pháp dạy học tình huống” xuất phát từ thuật ngữ tiếng Anh “case method learning” (còn được biết đến là “case-based learning”) là một phương pháp đã có từ lâu đời. Đây là một phương pháp dạy học linh hoạt, giúp người học phát triển kỹ năng lập luận cũng như các kỹ năng tư duy bậc cao (high order thinking skills) trong thang phân loại nhận thức của Bonney (2015). Cũng có nhiều nghiên cứu về việc áp dụng phương pháp dạy học tình huống vào giảng dạy ngoại ngữ, cụ thể là Tiếng Anh chuyên ngành. Các nghiên cứu đã chỉ ra những lợi ích, thách thức, tính khả thi của phương pháp trong việc cải thiện năng lực ngôn ngữ của người học. Đồng thời các nhà nghiên cứu trên thế giới đã xây dựng hệ thống lý thuyết cụ thể cho việc áp dụng phương pháp này (ví dụ tiêu chí về “tình huống” tốt, quy trình áp dụng phương pháp, tiêu chí đánh giá người học...).

Theo McLean (2016), dạy học tình huống hướng đến đáp ứng mục tiêu dạy học với sự linh hoạt hơn trong cách thức áp dụng tình huống, đồng thời giúp nâng cao khả năng nhận thức thông qua việc khuyến khích khả năng tư duy phê phán của người học. Ngoài ra, phương pháp này còn giúp chính bản thân người học tìm được động lực học thông qua việc trao đổi với nhau để tìm ra giải pháp cho tình huống được yêu cầu (Bekai & Harkouss, 2018). Đây chính là nội động lực cho quá trình tự đánh giá, tự phân tích, tìm tòi và khám phá của người học đối với nội dung học tập (Williams, 2005).

Bên cạnh những lợi ích trên, sử dụng phương pháp hình huống cũng có nhiều mặt hạn chế và thách thức với cả người dạy và người học. Tình huống thực tế của cuộc sống chưa chắc đã phù hợp để chọn lựa cho quá trình thảo luận phân tích của người học (Hidayati, 2021). Ngoài ra, phương pháp này đòi hỏi nhiều thời gian và người giáo viên phải thực sự khéo léo trong thiết kế hoạt động sử dụng tình huống trong lớp học. Với người học, nếu không được chuẩn bị kỹ càng, hoặc chỉ quen với các phương pháp dạy học truyền thống thì rất có thể dạy học tình huống sẽ không đạt được hiệu quả như mong muốn (Billings và Halstead, 2005).

Theo Basta (2017), dạy học tình huống trong giảng dạy ngôn ngữ, cụ thể là Tiếng Anh chuyên ngành (English for Special Purposes – ESP) được đánh giá là một phương pháp dạy học ngôn ngữ hiệu quả; cụ thể là, đã nâng cao được vốn từ

vững chuyên ngành bằng cách đặt từ vựng vào hoàn cảnh sử dụng cụ thể. Điều này phù hợp với kết luận của Grosse (1988) về tính hiệu quả của dạy học tình huống trong việc bối cảnh hoá từ vựng, dạy học thông qua nội dung và sử dụng những tài liệu liên quan đến kinh doanh thực tế. Ngoài ra, Roell (2019) cũng đánh giá cao tính linh hoạt của phương pháp này khi có thể điều chỉnh để phù hợp với từng trình độ và hoàn cảnh dạy học khác nhau. Quan trọng hơn nữa, dạy học tình huống giúp thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành, kết nối được kiến thức với thực tiễn, trình bày những nguồn tài liệu thực tế, giúp người học làm quen với môi trường làm việc trong tương lai (Jackson, 1998).

Tác giả Esteban và Pérez Canado (2004) đã trình bày một tình huống cụ thể, áp dụng từng bước trong quy trình với những phân tích gợi mở đầy ý nghĩa (giáo viên cần có sự chuẩn bị kỹ càng, cần cân nhắc tính phù hợp với chương trình học, động lực của người học, tính xác thực của hoạt động và tài liệu học tập, tính phù hợp của tiêu chí đánh giá...)

Ở Việt Nam, có nhiều nghiên cứu về dạy học tình huống và việc ứng dụng phương pháp này vào những lĩnh vực khác nhau. Trước hết, có nhiều cách hiểu khác nhau về việc sử dụng tình huống. Tác giả Nguyễn Thị Phương Hoa, Đại học Quốc gia Hà Nội (2010) cho rằng: “Phương pháp tình huống là một phương pháp đặc thù của dạy học giải quyết vấn đề theo tình huống, ở đó, các tình huống là đối tượng chính của quá trình dạy học. Trường hợp được nêu ra trong dạy học là những tình huống dạy học điển hình và quá trình người học nghiên cứu trường hợp cũng chính là quá trình hiểu và vận dụng tri thức”. Theo tác giả Đinh Văn Tiến, Nguyễn Thị Minh Phượng, trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (2011), “phương pháp sử dụng tình huống là một trong những phương pháp dạy học tích cực hay phương pháp giảng dạy hiện đại (theo cách gọi hiện nay) là một phương pháp bao gồm hai bộ phận chính: Một là phương pháp thuyết trình truyền thống. Đây là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ quá trình giảng dạy trong nhà trường; Hai là các phương pháp hỗ trợ cho thuyết trình: được sử dụng để khuyến khích người học tham gia, tạo không khí tích cực cho học viên, thay đổi trạng thái tiếp thu thông tin của người học”. Các tác giả như Phan Trọng Ngọ (2001) và Trịnh Văn Biều (2010) cho rằng: Việc xây dựng được một tình huống sư phạm là việc không đơn giản, đó là quá trình làm việc liên tục. Vì vậy đòi hỏi giáo viên phải có nhiều kinh nghiệm chuyên môn, vốn văn hóa sâu rộng và am hiểu những vấn đề thực tế liên quan tới lĩnh vực môn học. Luôn đổi mới, cập nhật thông tin, kiến thức, kỹ năng mới nhằm xử lý thông tin

và xây dựng tình huống. Dạy học bằng tình huống không phải là cách để thầy “nghỉ ngơi” để trò phải làm việc. Như vậy, phương pháp dạy học tình huống hay còn gọi là nghiên cứu trường hợp điển hình (case study) là một trong những phương pháp dạy học chủ động, được sử dụng ngày càng phổ biến hiện nay. Đây là phương pháp dạy học dựa trên tình huống có thật hoặc giống như thật, đòi hỏi người học phải tìm hiểu, suy nghĩ, đề ra được quyết định thích hợp nhất. Việc chọn lựa tình huống phù hợp là yếu tố quan trọng tạo nên sự thành công của tiết dạy. Người học sẽ suy nghĩ, cân nhắc và đưa ra các cách giải quyết cho vấn đề.

Nghiên cứu về tiến trình giảng dạy tình huống, tác giả Phạm Thị Hoa Tình, trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ (2014) đề cập 4 bước sau: Giáo viên giới thiệu tình huống, người học nghiên cứu và tìm giải pháp cho tình huống, người học giới thiệu và bảo vệ giải pháp (báo cáo thảo luận), giáo viên tổng kết và đưa ra bài học từ tình huống. Với bước 1, tình huống có thể được thể hiện bằng một số hình thức như viết sẵn trên giấy khổ lớn, trình chiếu, photo, ... Giáo viên cần mô tả kỹ tình huống, đặt ra câu hỏi định hướng về vấn đề cần giải quyết. Trong bước 2, các nhóm người học tiến hành nghiên cứu tình huống để đưa ra được các tình tiết, mô tả được các vấn đề, phân tích nguyên nhân. Từ đó các nhóm cùng nhau thảo luận để tìm ra hướng giải quyết. Ở phần này, giáo viên cần theo sát các nhóm, đưa ra hướng dẫn, gợi ý nếu cần. Điều này giúp thúc đẩy không khí làm việc nhóm tốt hơn. Với bước 3, đại diện các nhóm lên trình bày nội dung của nhóm đã thảo luận, các nhóm khác có thể đặt ra câu hỏi để trao đổi để làm rõ các nội dung đã báo cáo. Trong bước cuối cùng, giảng viên tổng kết và cùng lớp chọn lựa phương án khả thi nhất đồng thời kết luận các giải pháp có liên quan đến nội dung lý thuyết môn học. Giáo viên sau đó rút ra bài học, kinh nghiệm từ tình huống đã đưa ra. Bên cạnh nghiên cứu của tác giả Phạm Thị Hoa Tình nói trên, các nghiên cứu khác có đề cập đến 6 bước, 7 bước hay nhiều hơn nhưng chung quy cũng là 4 bước chính đề cập bên trên.

Ngoài ra, có nhiều nghiên cứu đánh giá về hiệu quả của phương pháp dạy học tình huống trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy nhiều môn học khác nhau. Đối với môn Pháp luật đại cương tại trường Cao đẳng kỹ thuật, sau khi sử dụng phương pháp dạy học tình huống, tỷ lệ sinh viên hiểu bài tốt đã tăng rất nhiều, từ 9% đến 29%. Theo tác giả Phan Quan Việt (2013), phương pháp giảng dạy bằng tình huống nhằm mục đích giúp sinh viên có khả năng làm việc tập thể, làm việc nhóm, sinh viên tự nghiên cứu, suy luận, tích cực chủ động hơn trong học tập môn Quản trị học, nhằm trang bị cho sinh viên rèn luyện những kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết

trình cần thiết cho quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp. Tác giả Lê Thị Bích Hạnh, trường ĐH Đà Nẵng (2014) cũng khẳng định giảng dạy tình huống là một phương pháp hay phù hợp với những yêu cầu mới đặt ra cho ngành tiếng Anh thương mại. Kiến thức từ những tình huống thực tế sẽ là sự chuẩn bị cần thiết cho sinh viên khi bắt đầu công việc sau khi tốt nghiệp. Đối với môn Kế toán tại trường Cao đẳng Công nghệ thông tin, việc đưa ra các tình huống tạo nhiều hứng thú hơn trong học tập, giúp sinh viên có điều kiện gắn những kiến thức lý thuyết vào thực tế (Nguyễn Linh Giang (2015)). Nói tóm lại, phương pháp dạy học tình huống đem lại những hiệu quả nhất định nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy trong bối cảnh hiện nay.

2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN

Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, tiếng Anh đóng vai trò là một phương tiện giao tiếp quan trọng trong các lĩnh vực khác nhau như công nghệ, kỹ thuật, giáo dục, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh, tiếng Anh giúp duy trì mối quan hệ chặt chẽ giữa các quốc gia và thúc đẩy sự phát triển kinh tế quốc tế. Clark (2012), tác giả của cuốn sách nói về thương hiệu cá nhân mới phát hành “Reinventing You: Define your brand, Imagine your future”, đã nêu quan điểm rằng khả năng nói được một ngôn ngữ thứ hai (hoặc thứ ba) rõ ràng là rất quan trọng để trở thành một nhà lãnh đạo toàn cầu. Ngày nay, tiếng Anh chính là ngôn ngữ thiết yếu nhất cho sự thành công trong kinh doanh toàn cầu. Do đó, bên cạnh kinh nghiệm nghề nghiệp thì việc nguồn nhân lực được trang bị đầy đủ kỹ năng tiếng Anh sẽ là điều kiện tiên quyết cho bất kỳ tổ chức kinh doanh nào mong muốn vươn ra quốc tế và cạnh tranh với các quốc gia khác. Nhận thức được điều đó, Singapore đã áp dụng chính sách giáo dục song ngữ mà theo đó tất cả học sinh ở các trường công lập đều được giảng dạy bằng tiếng Anh như ngôn ngữ mẹ đẻ. Tiếng Anh ngày nay đã trở thành lợi thế so sánh của quốc gia này và góp phần to lớn vào việc tạo dựng vị thế vững chắc của Singapore trong nền kinh tế toàn cầu. Tương tự, Thổ Nhĩ Kỳ cũng ưu tiên sử dụng tiếng Anh làm phương tiện giảng dạy tại các trường đại học của mình nhằm hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm chất lượng cao, giao tiếp với thế giới cũng như tiếp cận các nguồn khoa học trong các lĩnh vực chuyên ngành của sinh viên. Trên thực tế, không có ngôn ngữ nào thuận tiện như tiếng Anh trong việc tra cứu thông tin từ các nguồn nước ngoài, cập nhật công nghệ mới, đàm phán thương vụ hay đi công tác. Hướng tới mục tiêu hội nhập toàn diện với cộng đồng quốc tế, ngày nay người Việt Nam đã quan tâm đến tiếng Anh hơn bao giờ hết, điều này được thể hiện qua sự gia

tăng nhanh chóng số lượng người học tiếng Anh và sự cải tiến của phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Tuy nhiên, có một thực tế là trong 4 kỹ năng ngôn ngữ cần thiết (Nghe, Nói, Đọc, Viết) thì kỹ năng Nói tiếng Anh của người Việt vẫn ở mức khá thấp so với các quốc gia khác, đặc biệt là kỹ năng Nói tiếng Anh chuyên ngành. Kỹ năng nói tiếng Anh thương mại mang màu sắc kinh doanh đặc trưng cho các cuộc họp, đàm phán, thuyết trình, tiếp thị, quảng cáo, v.v... nên nó có những đòi hỏi khắt khe hơn so với kỹ năng Nói tiếng Anh thông thường. Do đó, các bài tập tình huống đưa sinh viên vào các tình huống thương mại thực tế hiện nay đã được đa dạng hóa và áp dụng thường xuyên hơn trong việc dạy và học Nói tiếng Anh chuyên ngành.

Tại trường Đại học Hoa Lu, phương pháp dạy học tình huống cũng đã được áp dụng vào các học phần tiếng Anh chuyên ngành, đặc biệt là ngành kế toán và quản trị kinh doanh, thông qua việc cho sinh viên tham gia các cuộc họp để thảo luận, đưa ra quyết định, đàm phán hợp đồng, giải quyết tranh chấp hoặc thuyết trình. Các hoạt động dạy học tình huống này không chỉ tạo cơ hội cho sinh viên luyện nói, ôn bài mà còn giúp sinh viên làm quen với các tình huống kinh doanh trong thực tế, qua đó trau dồi kiến thức về văn hóa kinh doanh; do đó các em có thể chuẩn bị tốt cho công việc trong tương lai của mình. Tuy nhiên cũng chưa có nghiên cứu chính thức và tỉ mỉ nào về việc sử dụng phương pháp này đối với sinh viên tại trường Đại học Hoa Lu.

Xuất phát từ nhu cầu khai thác phương pháp dạy học tình huống hiệu quả hơn đối với sinh viên chuyên ngành, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn thực hiện đề tài nghiên cứu: *“Sử dụng phương pháp dạy học tình huống để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Hoa Lu”*.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ này là sử dụng phương pháp dạy học tình huống để nâng cao khả năng nói tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngành kế toán trong học phần Anh văn thương mại căn bản 2 và đánh giá tính hiệu quả phương pháp này trong việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh.

4. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu:

- + Phương pháp dạy học theo tình huống
- + Kỹ năng nói tiếng Anh

+ Học phần AVTMCB2

- Khách thể nghiên cứu: Sinh viên lớp D14KT, trường Đại học Hoa Lư

5. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp dạy học tình huống để phát triển kỹ năng nói đối với sinh viên một lớp D14 KT trong học phần Anh văn thương mại căn bản 2 học kỳ I năm học 2023-2024.

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

- Cách tiếp cận: Nghiên cứu lý thuyết và tiếp cận từ thực tiễn -> ứng dụng vào thực tiễn -> đề xuất

- Phương pháp nghiên cứu:

+ Phương pháp nghiên cứu lý thuyết: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phương pháp dạy học tình huống và việc áp dụng phương pháp dạy học tình huống để nâng cao khả năng nói tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên.

+ Phương pháp thực nghiệm khoa học: Ứng dụng các tình huống đã được thiết kế, điều chỉnh vào trong thực tế giảng dạy để khảo nghiệm và đánh giá hiệu quả.

+ Phương pháp điều tra, phỏng vấn: Điều tra khảo sát ý kiến của sinh viên để đánh giá thái độ và sự tiến bộ của sinh viên khi được áp dụng phương pháp dạy học tình huống.

+ Phương pháp toán thống kê: Sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý số liệu sau điều tra.

PHẦN NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài

1.1. Cơ sở lý luận của đề tài

1.1.1. Phương pháp dạy học tình huống

1.1.1.1. Các khái niệm liên quan đến phương pháp dạy học tình huống

Theo từ điển tiếng Việt, “tình huống là hoàn cảnh diễn biến, thường bất lợi, cần đối phó”. Tình huống là một câu chuyện, có cốt chuyện và nhân vật, liên hệ đến một hoàn cảnh cụ thể, từ góc độ cá nhân hay nhóm, và thường là hành động chưa hoàn chỉnh. Đó là một câu chuyện cụ thể và chi tiết, chuyển nét sống động và phức tạp của đời thực vào lớp học.” (Boehrer, J.1995). Dạy học tình huống được nhiều nhà khoa học Liên Xô (cũ) và Ba Lan quan tâm. Tài liệu lý luận về dạy học của họ được dịch và phổ biến ở Việt Nam từ cuối những năm 60 của thế kỷ XX.

Ở Việt Nam, dạy học tình huống được tác giả như Phan Trọng Ngọ và Trịnh Văn Biểu đề cập đến. Các tác giả cho rằng: Việc xây dựng được tình huống sư phạm là việc không đơn giản, đó là quá trình làm việc liên tục. Vì vậy, đòi hỏi giáo viên phải có nhiều kinh nghiệm chuyên môn, vốn văn hoá sâu rộng và am hiểu những vấn đề thực tế liên quan đến lĩnh vực môn học. Luôn đổi mới, cập nhật thông tin và xây dựng tình huống. Theo Trịnh Văn Biểu, “dạy học tình huống là một phương pháp dạy học được tổ chức theo những tình huống có thực của cuộc sống, trong đó người học được kiến tạo tri thức qua việc giải quyết các vấn đề có tính xã hội của việc học tập”. Theo Phan Trọng Ngọ: Bản chất của phương pháp dạy học (PPDH) bằng tình huống là thông qua việc giải quyết những tình huống, người học có được khả năng thích ứng tốt nhất với môi trường xã hội đầy biến động. PGS.TS Phan Trọng Ngọ cũng cho rằng: Tình huống dạy học là tình huống trong đó có sự ủy thác của người giáo viên. Sự ủy thác này chính là quá trình người giáo viên đưa ra những nội dung cần truyền thụ vào trong các sự kiện tình huống và cấu trúc các sự kiện tình huống sao cho phù hợp với logic sư phạm, để khi người học giải quyết nó sẽ đạt được mục tiêu dạy học. Tuy nhiên, một tình huống thông thường chưa phải là tình huống dạy học. Để một tình huống thông thường trở thành tình huống dạy học khi có sự ủy thác của giáo viên và được giáo viên sử dụng với dụng ý tạo ra môi trường làm việc cho người học. Tác giả Nguyễn Thị Phương Hoa, Đại học Quốc gia Hà Nội (2010) cho rằng: “Phương pháp tình huống là một phương pháp đặc thù của dạy học giải quyết vấn đề theo tình huống, ở đó, các tình huống là đối

tượng chính của quá trình dạy học. Trường hợp được nêu ra trong dạy học là những tình huống dạy học điển hình và quá trình người học nghiên cứu trường hợp cũng chính là quá trình hiểu và vận dụng tri thức”. Theo tác giả Đinh Văn Tiến, Nguyễn Thị Minh Phượng, trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (2011), “phương pháp sử dụng tình huống là một trong những phương pháp dạy học tích cực hay phương pháp giảng dạy hiện đại (theo cách gọi hiện nay) là một phương pháp bao gồm hai bộ phận chính: Một là phương pháp thuyết trình truyền thống. Đây là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ quá trình giảng dạy trong nhà trường; Hai là các phương pháp hỗ trợ cho thuyết trình: được sử dụng để khuyến khích người học tham gia, tạo không khí tích cực cho học viên, thay đổi trạng thái tiếp thu thông tin của người học”.

Việc sử dụng bài tập tình huống vào giảng dạy các môn chuyên ngành nói chung và tiếng Anh chuyên ngành nói riêng từ lâu đã phổ biến ở nhiều trường đại học trên thế giới. Về mặt lý thuyết, Michelle cho rằng để đánh giá tính hiệu quả của một tình huống cần dựa vào mức độ hứng thú tham gia của sinh viên với các chủ đề được giao và khả năng áp dụng kiến thức đã học của họ để giải quyết các tình huống đó trong các bài tập lớn hoặc các kỳ thi. Theo Strelchonok & Ludviga (2013), một tình huống hiệu quả phải tạo cho sinh viên cơ hội: Luyện tập các chủ đề liên quan đến kinh doanh, kinh tế như quản trị quản lý nhân sự, ...; Luyện tập và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết, dịch, ...; Luyện tập và phát triển các kỹ năng giao tiếp kinh doanh; phát triển kỹ năng quản lý phân tích như kỹ năng làm việc nhóm; phát triển và củng cố các kỹ năng ngôn ngữ, phát triển năng lực viết...

Như vậy, các tác giả trong và ngoài nước đều khẳng định dạy học tình huống là một trong những phương pháp tích cực góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, được xem như khâu đột phá căn bản trong xu hướng đầu tư chiều sâu cho yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học hiện nay.

1.1.1.2. Ưu điểm và khó khăn khi áp dụng phương pháp dạy học tình huống

Áp dụng phương pháp dạy học tình huống được các nhà nghiên cứu chỉ ra là có nhiều ưu điểm bên cạnh những khó khăn nhất định.

Trước hết, phương pháp này có ưu điểm đối với cả người học và người dạy.

Về ưu điểm của phương pháp dạy học tình huống, đối với người học: Theo Lê Thị Bích Hạnh (2014), việc sử dụng phương pháp dạy học tình huống giúp họ phát triển tư duy phê phán và phản xạ học tập, đồng thời nâng cao khả năng tổ chức

của sinh viên qua việc chất lọc và sắp xếp thông tin, nâng cao kỹ năng giao tiếp và phát triển kỹ năng hợp tác học tập và làm việc theo nhóm.

Nguyễn Trung Kiên (2013) cũng chỉ ra các ưu điểm của việc vận dụng phương pháp dạy học tình huống là cung cấp môi trường sư phạm lí tưởng cho sinh viên tổ chức các hoạt động học tập của mình. Sinh viên không chỉ tiếp nhận nội dung bài học qua lí thuyết mà qua những tình huống cụ thể, điển hình. Sinh viên được phát triển khả năng độc lập suy nghĩ, óc phê phán, sức tư duy sáng tạo và hướng tiếp cận đối tượng, khả năng thích ứng trong các tình huống khác nhau, vận dụng kinh nghiệm vào giải quyết các vấn đề trong học tập và thực tiễn. Lớp học luôn hấp dẫn, sôi nổi, hứng thú, sinh viên phát huy tính tự học, chủ động đọc tài liệu, ham tìm tòi những kiến thức ngoài sách vở, học hỏi được nhiều qua giáo viên và bạn học. Phương pháp dạy học tình huống cho phép nâng cao chất lượng đào tạo, giúp sinh viên tự tin vào bản thân và thích nghi nhanh với môi trường nghề nghiệp.

Phương pháp dạy học tình huống theo Nguyễn Linh Giang (2015), giúp gắn lý thuyết với thực tiễn trong dạy học, giúp người học có cái nhìn sâu hơn và thực tiễn hơn về vấn đề lý thuyết đã được học, có điều kiện vận dụng linh hoạt các kiến thức lý thuyết. Phương pháp dạy học tình huống góp phần nâng cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo và hứng thú học tập của người học. Phương pháp dạy học tình huống giúp người học nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng trình bày, bảo vệ và tranh luận, phản biện ý kiến trước tập thể. Tình huống trong phương pháp dạy học tình huống thường là những tình huống phức hợp, để giải quyết nó, người học cần vận dụng tổng hợp kiến thức của nhiều phần khác nhau trong một môn học, thậm chí kiến thức của nhiều môn học, nhờ vậy góp phần giúp người học biết cách liên kết, xâu chuỗi các phần nội dung đơn lẻ thành một bức tranh tổng thể về kiến thức.

Bài tập tình huống cũng được cho là tạo ra động lực cho người học tiếng Anh khi gặp các tình huống thực tế và có thể giải quyết các vấn đề kinh tế thông qua kỹ năng phân tích, thuyết trình, đàm phán trong môi trường kinh doanh giao văn hóa (Popescu, A., 2016).

Về ưu điểm của phương pháp dạy học tình huống, đối với người dạy: Việc sử dụng bài tập tình huống trong dạy ESP như Popescu, A. (2016) chỉ ra, có thể mang lại một số lợi ích cho giáo viên. Đây là cơ hội để họ phát huy vai trò chủ động trong việc quản lý các hoạt động học, đưa lý thuyết gần thực tiễn, áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tích cực các kỹ năng ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy

lấy người học làm trung tâm, giúp tập trung theo dõi giám sát và hỗ trợ sinh viên đồng thời xóa bỏ khoảng cách giữa giáo viên-sinh viên.

Cũng theo Lê Thị Bích Hạnh (2014), việc sử dụng phương pháp dạy học tình huống đối với giáo viên giúp họ dễ dàng biểu thị và phân tích các khái niệm, vận dụng tình huống để tạo ra thông tin giao tiếp thực tế và giúp nâng cao kỹ năng ngôn ngữ.

Nguyễn Linh Giang (2015) thêm rằng trong phương pháp dạy học tình huống, giáo viên cũng có điều kiện trao đổi, học hỏi những kinh nghiệm và những cách nhìn, giải pháp mới từ phía người học, thông qua đó mà góp phần làm phong phú hơn nội dung giảng dạy cũng như hoàn thiện các tình huống dạy học.

Tuy nhiên, phương pháp dạy học tình huống không phải là chiếc chìa khóa vạn năng trong giảng dạy, nó bộc lộ một số hạn chế nhất định.

Về khó khăn khi áp dụng phương pháp dạy học tình huống, đối với người học: Phạm Vũ Nhật Uyên (2013) nêu các khó khăn về phía người học, đó là: Phương pháp dạy học tình huống chỉ phát huy những giá trị khi có sự tham gia chủ động của học viên. Tuy nhiên do đã quá quen thuộc với cách tiếp thu kiến thức thụ động nên hiện nay vẫn còn một bộ phận học viên chưa thích ứng được. Thêm vào đó, người học tốn khá nhiều thời gian tư duy để rút ra các tri thức cần thiết, đôi khi lạc hướng trong quá trình giải quyết tình huống nên dễ nản chí hoặc không nhiệt tình tham gia. Người học phải học nhiều môn, nên ít có thời gian cho việc tự nghiên cứu.

Đối với người học, thách thức lớn nhất là phương pháp dạy học tình huống đòi hỏi ở họ sự năng động, sáng tạo và khả năng tư duy độc lập, bởi thế một số người học sẽ lúng túng khi học theo phương pháp này (Nguyễn Linh Giang, 2015).

Về khó khăn khi áp dụng phương pháp dạy học tình huống, đối với người dạy: Theo Phạm Vũ Nhật Uyên (2013), phương pháp dạy học tình huống làm gia tăng khối lượng công việc của giáo viên. Xây dựng được một tình huống sư phạm là việc không đơn giản, đó là quá trình làm việc liên tục. Dạy học bằng tình huống không phải là cách để thầy “nghỉ ngơi” để trò phải làm việc. Phương pháp dạy học này đòi hỏi những kỹ năng phức tạp hơn của người giáo viên, đây thực sự là những thách thức lớn đối với giáo viên trong quá trình ứng dụng phương pháp này.

Việc ngại áp dụng những phương pháp thay thế cho phương pháp giảng bài truyền thống cũng là một cản trở đối với phát triển loại hình giảng dạy này. Phương pháp dạy học tình huống làm gia tăng không những khối lượng làm việc của giảng viên mà còn đòi hỏi giảng viên luôn chấp nhận đổi mới, cập nhật các thông tin, kiến

thức và kỹ năng mới. Phương pháp này đòi hỏi thực hiện những kỹ năng phức tạp trong giảng dạy như cách tổ chức lớp học, bố trí thời lượng, đặt câu hỏi, tổ chức người học tranh luận, nhận xét, phản biện ... Đây thực sự là những thách thức lớn đối với giảng viên trong quá trình ứng dụng phương pháp này (Nguyễn Linh Giang, 2015).

Có nhiều giáo viên vẫn e ngại sử dụng phương pháp dạy học tình huống bởi vì phương pháp dạy học tình huống làm tăng đáng kể khối lượng công việc của giảng viên do họ phải tích cực, đổi mới, cập nhật thông tin, đầu tư thời gian, trí tuệ để xây dựng tình huống, xử lý thông tin và thiết kế câu hỏi. Hơn nữa, phương pháp dạy học tình huống đòi hỏi những kỹ năng phức tạp hơn trong giảng dạy, như cách thức tổ chức lớp học, bố trí thời lượng, tổ chức thảo luận ... Vì vậy, Lê Thị Bích Hạnh (2014) cho rằng nhiều giáo viên đã quen với phương pháp truyền tải thông tin có thể cảm thấy khó sử dụng phương pháp dạy học tình huống.

Việc vận dụng phương pháp dạy học tình huống đòi hỏi giáo viên phải có chuyên môn vững, có kinh nghiệm nghề nghiệp, kiến thức liên ngành, dành nhiều thời gian chuẩn bị và không phải đơn vị kiến thức hay bài học bất kỳ nào cũng có thể sử dụng được các tình huống dạy học là hai hạn chế của phương pháp này theo Nguyễn Trung Kiên (2013).

Ngoài ra, còn một số khó khăn do điều kiện khách quan theo Phạm Vũ Nhật Uyên (2013). Nhiều tình huống tốn kém tài chính, khó thực hiện. Cơ sở vật chất và phương tiện học tập chưa được trang bị đầy đủ ở các trường. Quá trình dạy học tình huống cần được tổ chức với số lượng học viên không quá đông, vị trí ngồi của học viên cơ động để thuận tiện khi tham gia các hoạt động. Phương pháp này cũng chưa được tập huấn nhiều nên nhiều giáo viên đang áp dụng theo kinh nghiệm.

Như vậy phương pháp dạy học tình huống bên cạnh rất nhiều ưu điểm đối với người học như giúp họ phát triển tư duy, phản xạ, các kỹ năng, tính tích cực, chủ động, đối với người dạy như giúp họ áp dụng phương pháp dạy học tích cực, làm phong phú nội dung giảng dạy vẫn còn có những hạn chế nhất định trong việc áp dụng. Người học lúng túng khi phải tư duy độc lập, hay tham gia vào các tình huống. Phương pháp này đòi hỏi người dạy thực hiện những kỹ năng phức tạp trong giảng dạy và sự đầu tư thời gian, công sức. Ngoài ra các điều kiện về cơ sở vật chất, trường lớp cũng ảnh hưởng tới tính khả thi của việc áp dụng phương pháp này.

1.1.1.3. Tiến trình dạy học tình huống

Có nhiều nhà nghiên cứu về phương pháp dạy học tình huống và họ chia tiến

trình dạy học tình huống ra các bước khác nhau và tên gọi cũng khác nhau.

Lê Thị Bích Hạnh (2014) chia tiến trình dạy học tình huống thành 8 bước cụ thể là: Bước 1 là xác định mục tiêu tức là trước khi chọn tình huống cần phải xác định mục tiêu của bài học. Bước 2 là chọn tình huống tức là tình huống được chọn phải phù hợp với mục tiêu của giáo viên và học viên. Bước 3 là chuẩn bị cho sinh viên tức là giới thiệu cho học viên dữ liệu, cách thức thảo luận. Bước 4 là thảo luận tức là cho học viên chọn dữ liệu, được chỉ định vai và chủ động tham gia vào tình huống. Bước 5 là thảo luận tức là giáo viên cho học viên đọc và suy nghĩ về tình huống, giới thiệu sơ lược về tình huống, chia nhóm và quản lý nhóm, cho học viên trình bày ý tưởng, giáo viên đặt câu hỏi để làm rõ rồi tổng hợp vấn đề đặt ra. Bước 6 là sắp xếp lớp học, tức là sắp xếp lớp hoặc nhóm theo hình chữ U. Bước 7 là đặt câu hỏi, tức là giáo viên đặt ra câu hỏi định hướng cuộc thảo luận. Bước 8 là hoạt động lớp học, khi tiến hành thảo luận và làm nhóm, có thể dùng các phương pháp như đóng vai, bỏ phiếu, dùng bảng tin ...

Nguyễn Trung Kiên (2013) cũng đề cập đến Quy trình xây dựng tình huống trong dạy học gồm 5 bước. Bước 1 là Xác định mục tiêu bài dạy. Bước 2 là nghiên cứu kĩ nội dung bài dạy. Bước 3 là xác định những kiến thức liên quan đến nội dung bài dạy. Bước 4 là tạo trở ngại nhận thức liên quan đến các nội dung đã chọn. Bước 5 là gia công sự phạm để trở thành một tình huống dạy học.

Tiến trình thực hiện một buổi học theo phương pháp nghiên cứu tình huống theo Nguyễn Linh Giang (2015) gồm 4 bước. Bước 1 là đọc tình huống và xác định những vấn đề cốt yếu mà người ra quyết định đương đầu. Bước 2 là xác định những dữ liệu cần để phân tích các vấn đề và để tổng hợp thành các giải pháp. Bước 3 là đưa ra, phân tích và so sánh những giải pháp khác nhau. Bước 4 là đề xuất phương hướng hành động.

Các bước tiến hành phương pháp dạy học bằng tình huống trong một buổi dạy học được Phan Quan Việt (2013) xác định là: Bước 1 là giảng viên cần xác định mục tiêu của buổi học. Bước 2 là lựa chọn tình huống. Bước 3 là gợi ý các hướng giải quyết. Bước 4 là xây dựng các câu hỏi thảo luận. Bước 5 là phân công các nhóm để giải quyết tình huống. Bước 6 là báo cáo tình huống.

Quy trình xây dựng và sử dụng các tình huống dạy học gồm có 5 bước là (1) xác định và nội dung bài học; (2) thu thập dữ liệu; (3) đánh giá và phân tích dữ liệu; (4) xây dựng tình huống bài học; (5) vận dụng tình huống vào dạy học như Vi Thị Hạnh Thi (2019) phân tích.

Phạm Thị Hoa Tình (2014) chỉ ra các bước triển khai tình huống trên lớp gồm: giới thiệu tình huống (bước 1); sinh viên nghiên cứu tình huống và tìm giải pháp cho tình huống (bước 2); giới thiệu và bảo vệ giải pháp (bước 3); giảng viên tổng kết và đưa ra bài học từ tình huống (bước 4).

Nhóm tác giả nghiên cứu đề tài chia sẻ nhiều điểm chung với các tác giả đã nêu ra. Thực tế trong quá trình giảng dạy, nhóm tác giả đã tiến hành dạy học tình huống gồm 4 bước như sau: (1) Xác định tình huống; (2) Chia nhóm nghiên cứu tình huống; (3) Xử lý tình huống; (4) Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ tình huống.

1.1.2. Kỹ năng nói tiếng Anh

1.1.2.1. Khái niệm về kỹ năng nói

Có rất nhiều định nghĩa về ‘nói’ được đưa ra bởi các chuyên gia. Theo Spratt, Pulverness và William (2011), nói là một kỹ năng hiệu quả, giống như viết. Nó liên quan đến việc sử dụng lời nói để diễn đạt ý nghĩa với người khác. Khi nói, con người sử dụng các khía cạnh nói khác nhau tùy thuộc vào kiểu nói mà họ đang sử dụng. Đó là lý do tại sao nói là một hoạt động phức tạp. Brown (2004) định nghĩa nói là một kỹ năng hiệu quả có thể quan sát được một cách trực tiếp. Nói là sản phẩm của sự xây dựng sáng tạo của chuỗi ngôn ngữ mà trong đó người nói lựa chọn từ vựng, cấu trúc và cách diễn đạt. Harmer (2007) gợi ý nhiều ‘tình huống nói’ khác nhau để mô tả các thể loại nói khác nhau. Đây là một sự phân biệt giữa chức năng giao dịch và chức năng liên nhân của nói. Chức năng giao dịch có mục đích chính là truyền đạt thông tin và tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa và dịch vụ, trong khi chức năng liên nhân nói về việc duy trì các mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với nhau. Theo Riddell (2003), nói là một trong hai nội dung của một bài học. Nói không phải là đọc to (phát âm), hoặc là đọc câu trả lời cho một câu hỏi ngữ pháp (độ chính xác). Nói không phải là đọc câu trả lời cho một câu hỏi đọc/nghe (hiểu). Nó có thể là một hoạt động nói được thiết kế để thực hành hoặc ôn tập lại nội dung ngôn ngữ vừa học.

Từ nhiều định nghĩa và giải thích về việc nói ở trên, có thể kết luận rằng: nói là một hành động tạo ra âm thanh, là cách mọi người giao tiếp và tương tác với người khác và truyền đạt ý nghĩa mà họ muốn người nghe nhận được.

1.1.2.2. Kỹ năng nói vi mô và vĩ mô

Trong việc dạy nói, giáo viên cũng giúp học sinh học các kỹ năng nói vi mô và kỹ năng nói vĩ mô. Theo Brown (2004), kỹ năng nói vi mô và kỹ năng nói vĩ mô có thể được liệt kê cụ thể như sau:

Kỹ năng nói vi mô:

- 1) Tạo ra sự khác biệt giữa các âm vị và biến thể đa âm vị
- 2) Tạo ra các nhóm từ vựng (chunks of language) có độ dài khác nhau.
- 3) Tạo ra các mẫu trọng âm tiếng Anh, các cấu trúc có nhịp điệu và ngữ điệu.
- 4) Tạo ra các từ và cụm từ ở dạng rút gọn
- 5) Sử dụng đủ số lượng đơn vị từ vựng (từ) để thực hiện các mục đích ngữ dụng
- 6) Tạo ra bài phát biểu trôi chảy có tốc độ truyền tải thông tin khác nhau.
- 7) Giám sát quá trình giao tiếp bằng lời và sử dụng các công cụ chiến lược khác nhau như sự ngập ngừng (pauses), lấp đầy (fillers), tự sửa lỗi (self-corrections), quay lại (backtracking) để nâng cao độ rõ ràng của thông điệp.
- 8) Sử dụng các lớp từ ngữ pháp (danh từ, động từ, v.v.), hệ thống (ví dụ: thì, sự hòa hợp, số nhiều), trật tự từ, cấu trúc, quy tắc và các hình thức tỉnh lược.
- 9) Tạo ra lời nói 1 cách tự nhiên: bằng các cụm từ thích hợp, nhóm ngắt nhịp, nhóm hơi thở và thành phần cấu tạo câu.
- 10) Diễn đạt một ý nghĩa cụ thể bằng các cấu trúc ngữ pháp khác nhau.
- 11) Sử dụng các phương tiện liên kết trong diễn ngôn bằng lời.

Kỹ năng nói vĩ mô:

- 1) Hoàn thành một cách thích hợp các chức năng giao tiếp theo cho các tình huống, người tham gia và mục tiêu.
- 2) Sử dụng phong cách thích hợp, hàm ý, dư thừa, quy ước ngữ dụng, quy tắc hội thoại, ngắt lời, và các tính năng xã hội hóa khác trong các cuộc trò chuyện trực tiếp.
- 3) Truyền tải các liên kết và kết nối giữa các sự kiện và các mối quan hệ giao tiếp như ý tưởng tại ngôn và ngoại vi, các sự kiện và cảm xúc, thông tin mới và thông tin đã cho, khái quát hóa và minh chứng hóa.
- 4) Truyền đạt các đặc điểm về khuôn mặt, động tác, ngôn ngữ cơ thể, và những tín hiệu phi ngôn ngữ cùng với ngôn ngữ lời nói.

5) Phát triển và sử dụng nhiều chiến lược nói, chẳng hạn như nhấn mạnh từ khóa, diễn đạt lại, cung cấp ngữ cảnh để giải thích ý nghĩa của từ, kêu gọi sự trợ giúp và đánh giá chính xác mức độ tốt của người nói người đối thoại đang hiểu thông điệp được truyền đạt.

Những kỹ năng vi mô và vĩ mô ở trên có thể được coi là một danh sách tiêu chí khi đánh giá ngôn ngữ nói. Giáo viên cần chú ý đến những tiêu chí này khi dạy kỹ năng nói.

1.1.2.3. Sự trôi chảy và tính chính xác

Theo Riddell (2003), khả năng nói khá tự do, không quá nhiều sự ngập ngừng được gọi là sự trôi chảy. Nó yêu cầu người nghe hiểu những gì đang được nói, vì vậy phải có sự rõ ràng và ý nghĩa. Sự chính xác nhấn mạnh đến “tiếng Anh đúng”, nghĩa là ngữ pháp đúng, từ vựng phù hợp. Cả sự trôi chảy và chính xác đều quan trọng như nhau. Riddell (2003) cho rằng mức độ quan trọng đến đâu của sự trôi chảy và tính chính xác thực sự phụ thuộc vào những gì giáo viên đang dạy. Nếu họ dạy một học sinh chuẩn bị tham gia một kỳ thi để vào đại học, sự chính xác thực sự là rất quan trọng. Mặt khác, khi dạy những người mới bắt đầu, hoặc người học có trình độ thấp, giáo viên không thể mong đợi sự trôi chảy. Ở đây, giáo viên thực sự phải giúp họ xây dựng độ chính xác ngôn ngữ của họ từng chút một cho đến khi họ đạt đến giai đoạn có thể nói trôi chảy hơn. Điều quan trọng hơn nhiều là họ có thể hiểu, và có thể nói chuyện tương đối trôi chảy. Giáo viên cần cho học sinh của mình tự tin khi nói và không bị ám ảnh bởi việc sửa sai liên tục.

1.2. Cơ sở thực tiễn của đề tài

1.2.1. Thực trạng việc học tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Hoa Lư

Tại trường Đại học Hoa Lư, sinh viên hệ chính quy cơ bản đã theo học chương trình học tiếng Anh 7 năm ở hệ phổ thông. Tuy nhiên, năng lực ngoại ngữ của sinh viên hiện nay tại Đại học Hoa Lư còn đang thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội đặt ra về khả năng ngoại ngữ cho lao động trẻ trong môi trường việc làm cạnh tranh có yếu tố quốc tế hiện nay. Thực tế cho thấy sinh viên có trình độ tiếng Anh thấp và không đồng đều. Thường trong một lớp học sẽ bao gồm các trình độ từ sơ cấp đến trung cấp. Nhận thức được trình độ đầu vào của sinh viên, bộ môn tiếng Anh đã thiết kế chương trình học tiếng Anh cơ bản với 3 học phần: Tiếng Anh 1 (2TC), Tiếng Anh 2 (3TC) và Tiếng Anh 3 (3TC), với mục đích trang bị kiến thức từ căn

bản cho sinh viên để các em có kiến thức nền phù hợp cho việc học tập tiếng Anh chuyên ngành. Theo chương trình Tiếng Anh hệ đại học, sinh viên phải thực hành tất cả các kỹ năng gồm nghe, nói, đọc, và viết. Nhiều sinh viên dù đã theo học chương trình Tiếng Anh trong nhiều năm nhưng không thể nghe hiểu tốt những bài nghe đơn giản. Khi học tiếng Anh, sinh viên chủ yếu quan tâm đến việc viết sao cho chính xác để hoàn thành tốt bài thi cuối kỳ nhưng lại không chú ý đúng mức đến kỹ năng nghe hiểu. Các em không có kinh nghiệm đối với kỹ năng nghe hiểu trong môi trường ngoại ngữ, lại không đầu tư đủ thời gian cho các kỹ năng nghe, nói. Thống kê điểm thi kết thúc học phần tiếng Anh 1 (thi trắc nghiệm trên máy tính) của 308 sinh viên hệ đại học chính quy khóa D15 (bảng 1) cho thấy: mặc dù học phần tiếng Anh 1 xác định chuẩn đầu ra tương đương đầu bậc 2 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN nhưng vẫn có đến 12.4% sinh viên đạt điểm F, 25.8% sinh viên đạt điểm D. Đối với điểm thi kết thúc học phần tiếng Anh 3 (thi 4 kỹ năng nghe nói đọc viết để xác định chuẩn đầu ra tương đương bậc 3 theo KNLNN 6 bậc VN) của 401 sinh viên hệ đại học chính quy khóa D14 và C28 vẫn có đến 12.8% sinh viên đạt điểm F, 33.8% sinh viên đạt điểm D.

Tên học phần	Điểm					Ghi chú
	F	D	C	B	A	
Tiếng Anh 3	51	135	144	61	9	11 lớp
	12,8%	33,8%	36%	15,2%	2,2%	D14+C28 (401 SV)
Tiếng Anh 1	37	77	77	77	31	10 lớp
	12,4%	25,8%	25,8%	25,8%	10,2%	D15 (308 SV)

Bảng 1.1: Thống kê điểm thi kết thúc học phần của sinh viên D15; D14 và C28

Các học phần tiếng Anh chuyên ngành tiếp tục lại là thách thức đối với nhiều sinh viên đang theo học tại trường. Do kiến thức tiếng Anh đại cương còn yếu, các em gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh, đặc biệt là với kỹ năng nghe, nói. Nhiều sinh viên lúng túng khi thực hiện các bài tập nhóm, dự án thuyết trình ..., do đó kết quả học tập cũng chưa cao.

Đây là kết quả còn thấp so với yêu cầu về trình độ ngoại ngữ hiện nay, đặc biệt trong thời đại toàn cầu hóa, khi mà các doanh nghiệp nước ngoài đang tăng lên nhiều thì những đòi hỏi về nhân lực có khả năng về ngoại ngữ lại càng cao hơn.

Có thể kể đến một số nguyên nhân cho thực trạng kể trên như sau:

Một là, mặc dù chương trình học đã được thiết kế chú trọng đến việc thực

hành tất cả các kỹ năng gồm nghe, nói, đọc, và viết nhưng do thời lượng không nhiều nên việc luyện phản xạ và giao tiếp lại chưa được thường xuyên. Sinh viên có thể nắm chắc từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh, nhưng chưa thể thực hành trong giao tiếp thực tiễn.

Hai là, trình độ của sinh viên không đồng đều và có sự khác biệt khá lớn về năng lực tiếng Anh giữa họ. Trong quá trình học, việc sinh viên ngại giao tiếp bằng tiếng Anh và kiến thức cơ bản hạn chế, không theo kịp lượng kiến thức của chương trình sẽ gây nhiều khó khăn cho giảng viên, khiến giảng viên khó có thể quán xuyên hết tất cả sinh viên, từ đó gây trở ngại cho cả việc dạy và học, đặc biệt trong bối cảnh các lớp học tiếng Anh còn khá đông như hiện nay (khoảng từ 35-40 SV).

Ba là, sinh viên còn thiếu tự tin và không vượt qua được sức ỳ của bản thân. Các em ngại nói vì sợ sai, sợ bị chê cười, dần dần trở nên khép mình trong các giờ học Tiếng Anh. Bên cạnh đó còn nhiều bạn sinh viên còn chưa thật sự nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong thời đại hiện nay nên ý thức tự học chưa cao.

Bốn là, môi trường học tập cũng là một nhân tố không kém phần quan trọng. Hiện nay sinh viên chỉ sử dụng tiếng Anh trong giờ học bắt buộc, hoặc sinh hoạt không quá thường xuyên tại câu lạc bộ tiếng Anh. Sinh viên không có tiếp xúc với người bản xứ nên không được thực hành trong môi trường giao tiếp thực tế.

Trước thực tế nói trên, việc tạo môi trường giao tiếp thường xuyên để sinh viên có cơ hội trau dồi, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tránh để xảy ra việc kiến thức chỉ nằm lại trên bài thi, không được sử dụng một cách thực tế là rất quan trọng. Một trong số các biện pháp để thực hiện được điều đó là nghiên cứu và áp dụng một số phương pháp dạy học tích cực như phương pháp dạy học theo dự án, dạy học nêu vấn đề, lớp học đảo ngược hay dạy học theo tình huống... vào dạy học tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành.

1.2.2. Thực trạng việc sử dụng phương pháp dạy học tình huống trong dạy học tiếng Anh của trường Đại học Hoa Lư

Trong các chương trình đào tạo được công bố trên website trường Đại học Hoa Lư (tại địa chỉ hluv.edu.vn), đề cương học phần tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành đã làm rõ mức độ áp dụng phương pháp dạy học tình huống trong dạy học tiếng Anh tại nhà trường.

Đối với các học phần tiếng Anh cơ bản (Tiếng Anh 1, 2, 3) cho tất cả các ngành đào tạo, trên đề cương học phần đều không có yêu cầu hay hướng dẫn cụ thể

về việc áp dụng phương pháp dạy học tình huống. Trong giáo trình chính của các học phần này (Smart Choice 1,2) các tình huống giao tiếp hàng ngày được đưa ra (mục Conversation – Hội thoại trong mỗi đơn vị bài học), nhiệm vụ của sinh viên là bắt chước và thay đổi một số yếu tố ngôn ngữ trong hội thoại cho sẵn.

Đối với các học phần tiếng Anh chuyên ngành, việc sử dụng phương pháp dạy học tình huống không phổ biến đối với chương trình ngành Du lịch. Trong đó 3 học phần TACN chủ yếu áp dụng hình thức dạy học dự án (project-based learning) và thuyết trình (presentation) để sinh viên được thực hành và tăng cường kỹ năng nói.

Dưới đây là mô tả về chuẩn đầu ra học phần của 3 học phần tiếng Anh chuyên ngành trong Chương trình giáo dục đại học ngành Du lịch (Ban hành theo quyết định số 463/QĐ-ĐHHL ngày 13/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư).

9. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO):

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Thang đo Bloom
1	Giải thích được các kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và kiến thức chuyên ngành về các làng nghề, lễ hội nổi bật	Hiểu
2	Thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo từng chủ đề về các làng nghề và lễ hội Việt Nam	Vận dụng
3	Xây dựng các sản phẩm thuyết trình theo nhóm như video clip, kịch, thuyết trình, đóng vai...	Vận dụng
4	Giao tiếp tốt, làm việc theo nhóm tích cực và có hiệu quả	Phi nhận thức

Bảng 1.2: Chuẩn đầu ra trích trong Đề cương học phần TACN Làng nghề, Lễ hội Việt Nam (trang 307)

9. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLO)

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Thang đo Bloom (2000)
1	Giải thích được các kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và kiến thức chuyên ngành về các di tích danh thắng Việt Nam	Hiểu
2	Thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, thuyết trình và dịch thuật về các di tích danh thắng Việt Nam	Vận dụng
3	Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng các dự án học tập theo nhóm như video clip, bài thuyết trình...	Vận dụng
4	Giao tiếp tốt, làm việc theo nhóm tích cực và có hiệu quả	Phi nhận thức

Bảng 1.3: Chuẩn đầu ra trích trong Đề cương học phần TACN Di tích danh thắng Việt Nam (trang 325)

9. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO):

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Thang đo Bloom
1	Giải thích được các kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, cấu trúc câu tiếng Anh thường được sử dụng trong dịch vụ lễ hành.	Hiểu
2	Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo các tình huống giao tiếp liên quan đến nghiệp vụ lễ hành	Vận dụng
3	Xây dựng các video clip, kịch, bài thuyết trình... về các chủ đề thuộc lĩnh vực lễ hành	Vận dụng
4	Giao tiếp tốt, làm việc theo nhóm tích cực và có hiệu quả.	Phi nhận thức

Bảng 1.4: Chuẩn đầu ra trích trong Đề cương học phần: TACN Du lịch, Lễ hành (trang 331)

Phương pháp dạy học tình huống được áp dụng trong 2 học phần tiếng Anh chuyên ngành của Chương trình giáo dục đại học ngành Kế toán (Ban hành theo quyết định số 463/QĐ-ĐHHL ngày 13/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư). Theo đó, trong học phần Anh văn thương mại căn bản 1 và Anh văn thương mại căn bản 2, các tình huống (case) đã được sử dụng trong tất cả các đơn vị bài học (Phần 1.6. của mỗi bài học: Case Study).

9. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO):

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng:

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Thang đo Bloom
1	Giải thích được các kiến thức ngôn ngữ cơ bản về từ vựng chuyên ngành, ngữ pháp và kiến thức về các chủ đề liên quan đến kinh doanh, thương mại.	Hiểu (Understand)
2	Áp dụng kiến thức tiếng Anh chuyên ngành để giao tiếp bằng lời nói cũng như văn bản một cách tương đối thành thạo trong nhiều tình huống kinh doanh như: biên bản ghi nhớ, bài báo cáo, thuyết trình và giải quyết xung đột...	Vận dụng (Apply)
3	Giao tiếp tốt, làm việc theo nhóm tích cực và có hiệu quả.	Phi nhận thức (Non-cognitive)

Bảng 1.5: Chuẩn đầu ra trích trong Đề cương học phần Anh văn thương mại căn bản 1 (trang 325)

4 tiết (2 LT, 2 TH)	Unit 1 : INTRODUCTIONS 1.1. Vocabulary : Job titles, Nationalities 1.2. Reading : Describing people 1.3. Language focus : Verb “to be”, a/an with jobs, wh-questions with “to be” 1.4. Listening : Talking about yourself 1.5. Skills : Introducing yourself and others 1.6. Case study : Aloha in Hawaii	CLO 1,2,3	- Thuyết giảng - Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề
------------------------	--	--------------	--

Bảng 1.6: Minh họa nội dung một bài trong học phần Anh văn thương mại căn bản 1 (trang 327)

Trong giáo trình của 2 học phần này (Market Leader, Elementary và Market Leader, Pre-intermediate), tình huống đã được cung cấp sẵn (trong phần Case Study cuối mỗi Unit). Theo đó, người học sẽ nhận được một tình huống mô phỏng thực tế lĩnh vực nghề nghiệp của mình và thực hiện các yêu cầu cụ thể (tạo lập kế hoạch, thực hiện phỏng vấn...). Đây là một phần trong mỗi đơn vị bài học nhưng cách thực hiện của từng giảng viên có thể khác nhau. Việc giao trước nội dung cho sinh viên chuẩn bị ở nhà hoặc thực hiện các hoạt động ngay trên lớp không được quy định rõ trong đề cương học phần, vì vậy giảng viên có thể linh hoạt trong việc tổ chức thực hiện khai thác phần Case Study này.

13. Nội dung chi tiết học phần			
Số tiết	Nội dung chính	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học
04 tiết (02LT, 02TH)	Unit 1: CAREERS 1.1. Vocabulary: career moves 1.2. Reading: ten ways to improve your career 1.3. Listening: discussing ways to improve your career 1.4. Language review: modals 1: ability, requests and offers. 1.5. Skills: Telephoning: making contact on telephone 1.6. Case study: Fast-Track Inc.	CLO1,2,4	- Thuyết giảng - Giải thích cụ thể - Giải quyết vấn đề

Bảng 1.7: Minh họa nội dung một bài trong học phần Anh văn thương mại căn bản 2 (trang 335)

Ngoài việc sử dụng phương pháp dạy học tình huống trong lớp học để cải thiện các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ chuyên ngành, phương pháp này còn được áp dụng trong kiểm tra đánh giá. Trong học phần Anh văn thương mại căn bản 1 cho sinh viên D14 Kế toán và Quản trị kinh doanh, sinh viên sẽ được đánh giá tiến bộ về

kỹ năng nói (Bài kiểm tra thường xuyên 2) để tính điểm Hệ số 2 (cùng với bài kiểm tra thường xuyên 1 và điểm ý thức học tập). Sinh viên được chia cặp và giao tiếp (ở dạng role play) ở các tình huống như phỏng vấn, đặt phòng khách sạn hoặc thuyết trình về sản phẩm. Sinh viên được đánh giá theo Rubric đánh giá kỹ năng nói với các tiêu chí đánh giá: nội dung (30%), độ chính xác trong sử dụng từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp (30%), độ trôi chảy (20%) và phong cách trình bày (20%). Kết quả bài kiểm tra của sinh viên lớp D14 KT và QTKD như sau:

	Điểm	F (Dưới 4)	D (4.0 – 5.4)	C (5.5 – 6.9)	B (7.0 – 8.4)	A (8.5 – 10)
Kiểm tra thường xuyên	Số lượng	0	0	3	13	8
	Tỉ lệ (%)	0%	0%	12,5%	54,2%	33,3%

Bảng 1.8: Kết quả bài kiểm tra của sinh viên lớp D14 KT và QTKD

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA NGOẠI NGỮ - CNTT
* * *

ĐỀ KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN 2
HỌC PHẦN ANH VĂN THƯƠNG MẠI CĂN BẢN 1

CASES FOR SPEAKING TEST

CASE 1: Making an interview

Student A Interviewer (Human Resources)
Interview a staff member and ask questions. Note down the answers.

- Position: (What / job?)
- Daily routine: (What / do / in / job?)
- Hours: (What / hours / work?)
- Breaks: (How often / breaks?)
- Lunch: (When and where / have lunch?)
- Feelings about job: (What / like (not like) about / job?)

Student B Receptionist
Daily routine (what you do in your job): You receive visitors, answer phone calls and book meeting rooms.
Hours: 8 a.m. – 5 p.m. Monday to Friday
Breaks: one 15-minute break in the morning
Lunch: 1 p.m. – 2 p.m. You usually bring your own food.
Feelings about job: You aren't happy. The reception desk is always busy. You work hard and the salary is low. You need more breaks. You want more flexible hours.

Bảng 1.9: Minh họa đề kiểm tra thường xuyên 2 (Anh văn thương mại căn bản 1) – D14 KT và D14 QTKD

Như vậy, ở trường Đại học Hoa Lư, việc áp dụng phương pháp dạy học tình huống chưa được khai thác ở các học phần tiếng Anh cơ bản. Trong các học phần tiếng Anh chuyên ngành (chủ yếu cho ngành Du lịch, Kế toán và Quản trị kinh doanh), tình huống có trong 2 học phần đó là Anh văn thương mại căn bản 1 và 2. Tuy nhiên việc thực hiện như một phương pháp (phương pháp dạy học tình huống) chưa được nghiên cứu chi tiết hay tổng kết cụ thể.

Chương 2: Áp dụng phương pháp dạy học tình huống để phát triển kỹ năng nói trong học phần Anh văn thương mại căn bản 2

2.1. Bối cảnh nghiên cứu

2.1.1. Học phần Anh văn thương mại căn bản 2

2.1.1.1. Mô tả học phần

Học phần Anh văn thương mại căn bản 2 được giảng dạy ở Học kỳ 1 năm thứ 2 cho sinh viên D14KT. Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng tiếng Anh trong lĩnh vực giao dịch kinh doanh thương mại. Thông qua các chủ đề về kinh doanh như kinh doanh trực tuyến, công ty, ý tưởng kinh doanh, sản phẩm, tiếp thị, xung đột kinh doanh ... với nội dung sát thực tế, môn học giới thiệu vốn từ vựng kinh tế thương mại phong phú, đa dạng; ôn lại các cấu trúc ngữ pháp giúp sinh viên bắt đầu biết vận dụng tương đối thành thạo được những thuật ngữ chuyên ngành vào công việc có liên quan đến kinh tế.

2.1.1.2. Thời lượng

Học phần được phân bố 3 tín chỉ (2 lý thuyết và 1 thực hành) tương đương 30 tiết lý thuyết và 30 tiết thực hành. Tài liệu giảng dạy là sách Market Leader (Pre-Intermediate) của tác giả David Cotton, David Falvey, Simon Kent, gồm có 12 units (bài), 4 revisions (bài ôn tập). Mỗi bài được chia làm 4 tiết gồm vocabulary (từ vựng), cấu trúc ngôn ngữ (language focus), đọc (reading), nghe (listening), skills (kỹ năng), case study (tình huống). Như vậy phần tình huống sẽ được giảng viên bố trí vào tiết cuối cùng của mỗi bài.

2.1.1.3. Hình thức đánh giá của học phần

Học phần có điểm thường xuyên là trung bình của bài kiểm tra thường xuyên (bài kiểm tra nói) và điểm đánh giá ý thức học tập và chuyên cần. Điểm giữa học phần là bài kiểm tra viết (đánh giá kiến thức ngôn ngữ và các kỹ năng nghe, đọc, viết). Điểm thi kết thúc học phần là bài thi trắc nghiệm khách quan. Như vậy phần làm bài tập tình huống, giảng viên (thành viên của đề tài) sẽ lấy điểm nói trong phần bài kiểm tra thường xuyên.

2.1.2. Phần Case Study trong giáo trình Market Leader (Pre-Intermediate)

Mỗi bài học (unit) trong sách Market Leader (Pre-Intermediate) có 9 phần gồm: Khởi động (starting up), từ vựng (vocabulary), thảo luận (discussion), đọc (reading), nghe (listening), ôn tập ngôn ngữ (language review), kỹ năng (skills), tình huống (case study).

Phần tình huống (case study) là phần cuối cùng của mỗi bài học trong sách.

Trong các tiết trên lớp, phần tình huống (case study) cũng được bố trí vào tiết cuối cùng với phần kỹ năng (skills).

Giáo trình có 12 tình huống (case study) tương ứng với 12 bài học. Bài 1 về Careers (sự nghiệp) có tình huống về công ty Fast-Track Inc. Bài 2 về Selling online (bán hàng trực tuyến) có tình huống về công ty Lifetime Holidays. Bài 3 về Companies (công ty) có tình huống về công ty Valentino. Bài 4 về Great ideas (ý tưởng kinh doanh) có tình huống về công ty Fabtek. Bài 5 về Stress (sự căng thẳng, áp lực) có tình huống về công ty Genova Vending Machines. Bài 6 về Entertaining (tiếp đãi khách) có tình huống về công ty Valencia. Bài 7 về Marketing (Thị trường) có tình huống về công ty Kristal. Bài 8 về planning (hoạch định kế hoạch) có tình huống về công ty European Business Associates. Bài 9 về Managing people (quản lý nhân sự) có tình huống về công ty Muller Peterson Marine. Bài 10 về Conflict (bất đồng trong công ty) có tình huống về công ty European Campers. Bài 11 về New business (tình hình kinh doanh mới) có tình huống về công ty Marcia Lee Jeans. Bài 12 về products (sản phẩm) có tình huống về công ty Minerva A.G.

2.2. Tiến trình áp dụng dạy học tình huống trong học phần Anh văn thương mại căn bản 2 tại lớp D14KT

Khi tiến hành giảng dạy thực tế học phần Anh văn thương mại căn bản 2 tại lớp D14 KT, giảng viên (là thành viên đề tài) đã tiến hành như sau:

Trong buổi đầu tiên khi giới thiệu chương trình và yêu cầu của học phần, giảng viên chia lớp thành 8 nhóm tương ứng với 8 bài từ bài 3 đến bài 10.

Bài 1, 2 được tiến hành trên lớp bình thường, giảng viên giảng dạy các phần lần lượt, đến phần Case study, giảng viên cho các nhóm nghiên cứu và sau đó các nhóm lên trình bày kết quả. Các nhóm từ 1 đến 4 được chấm phần xử lý tình huống bài 1 và các nhóm từ 5 đến 8 được chấm phần xử lý tình huống ở bài 2. Điểm chấm phần nói bài này sẽ lấy làm căn cứ đối chiếu với các bài sau (khi đã áp dụng phương pháp dạy học tình huống). Tiêu chí chấm nói bám sát theo Rubric đánh giá kỹ năng nói (xem Phụ lục).

Sau khi kết thúc bài 2, giảng viên tiến hành áp dụng các bước giảng dạy tình huống áp dụng cho các bài từ bài 3 trở đi. Theo lý thuyết đã thảo luận từ chương trước, nhóm tác giả áp dụng phương pháp dạy học tình huống gồm 4 bước: (1) Xác định tình huống; (2) Chia nhóm nghiên cứu tình huống; (3) Xử lý tình huống; (4) Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ tình huống.

2.2.1. Xác định tình huống

Sau bài 2, giảng viên yêu cầu sinh viên nghiên cứu kỹ giáo trình và các tình huống ở cuối mỗi bài học. Giảng viên đưa ra 8 tình huống tương ứng với 8 bài tiếp theo của học phần như sau:

Tình huống 1 (unit 3): Công ty Valentino có doanh số giảm và họ định đầu tư 1.5 triệu Euro để mở rộng kinh doanh. Ban Giám đốc gặp và thuyết trình để thuyết phục các nhà đầu tư.

Tình huống 2 (unit 4): Công ty Fabtek muốn tạo ra dòng sản phẩm mới dùng Protean. Tổ chức cuộc họp để nghe các ý tưởng cho các sản phẩm mới.

Tình huống 3 (unit 5): Nhân viên công ty Genova Vending Machines đang gặp vấn đề căng thẳng và quá tải trong công việc, một số đã xin nghỉ việc. Ban cố vấn nghiên cứu, phân tích và đưa ra giải pháp cho vấn đề này.

Tình huống 4 (unit 6): Lên kế hoạch cho một buổi hội thảo của công ty VMI để lãnh đạo các chi nhánh gặp nhau và thảo luận về các cải tiến về sản phẩm và dịch vụ của công ty.

Tình huống 5 (unit 7): Một sản phẩm nước uống đóng chai mới tên là Kristal được tung ra thị trường nhưng không thành công. Họp và bàn cần thay đổi gì để cải thiện doanh số dòng sản phẩm này.

Tình huống 6 (unit 8): Công ty truyền thông EBA dành được hợp đồng phát bản tin được truyền khắp Châu Âu. Lên kế hoạch cho chương trình đầu tiên lên sóng.

Tình huống 7 (unit 9): Hai công ty Muller và Peterson hợp tác thành công ty hàng hải MPM. Tuy nhiên đội ngũ bán hàng của hai công ty có quan điểm và cách làm việc khác nhau. Quản lý bán hàng hai bên có cuộc họp với đội ngũ bán hàng hai bên để tìm hướng làm việc hiệu quả hơn.

Tình huống 8 (unit 10): Todd Foster trở thành giám đốc Marketing của European Campers một năm trước và từ đó kết quả kinh doanh của công ty có tăng trưởng tốt. Oliver Moyon, một nhân viên bán hàng xuất sắc lâu năm của công ty. Tuy nhiên Oliver và Todd không có mối quan hệ tốt. Tìm cách giải quyết.

2.2.2. Chia nhóm nghiên cứu tình huống

Giảng viên chia 39 sinh viên lớp D14KT thành 8 nhóm, bảy nhóm có 5 sinh viên và 1 nhóm có 4 sinh viên. Giảng viên cho các nhóm bầu trưởng nhóm. Giảng viên chuẩn các phiếu bốc thăm các bài từ unit 3 đến unit 10. Trưởng các nhóm bốc thăm unit để các nhóm nghiên cứu tình huống. Kết quả bốc thăm như sau: Nhóm 1 – tình huống 5, Nhóm 2 – tình huống 4, Nhóm 3 – tình huống 6, Nhóm 4 – tình huống 2, Nhóm 5 – tình huống 7, Nhóm 6 – tình huống 3, Nhóm 7 – tình huống 1,

Nhóm 8 – tình huống 8.

Lý do giảng viên chọn các tình huống từ bài 3 đến bài 10 là bởi vì giảng viên muốn cho sinh viên có thời gian nghiên cứu và chuẩn bị nên bài 2 vẫn tiến hành theo phương pháp cũ, và học sinh bắt đầu trình bày giải quyết tình huống từ bài 3. Giảng viên cũng căn cứ theo tiến độ thực hiện đề tài để còn xử lý và phân tích số liệu nên chọn tình huống đến bài 10. Các bài sau các nhóm có thể tự do nghiên cứu và xung phong trình bày, nếu điểm cao hơn có thể thay thế điểm trước đó đã trình bày.

Giảng viên yêu cầu các nhóm đã bốc thăm nghiên cứu tình huống của mình và đưa ra các mốc thời gian theo lịch trình giảng dạy của đề cương chi tiết để các nhóm chuẩn bị và trình bày theo tiến độ.

Các thành viên của các nhóm trước hết tự nghiên cứu kỹ tình huống được đưa ra của bài học. Sau đó các nhóm họp lại với nhau thảo luận về tình huống mà mình đã nghiên cứu. Họ bắt đầu từ việc phân tích tình huống, tìm nguyên nhân, lý giải, mô tả, so sánh ... sau đó bàn bạc với nhau về tình huống.

2.2.3. Xử lý tình huống

Vào tiết có phần Case Study của mỗi unit, các nhóm đã bốc thăm và nghiên cứu chủ đề trình bày cách xử lý tình huống dưới các hình thức rất đa dạng.

2.2.3.1. Xử lý tình huống 1

Nhóm 7 xử lý tình huống 1 bài 3 (Unit 3) giải quyết vấn đề doanh số bán hàng của công ty giảm. Họ định đầu tư một khoản để đầu tư và nghiên cứu cải tiến. Họ thuyết phục các nhà đầu tư và ban lãnh đạo về phương án đầu tư đó.

2.2.3.2. Xử lý tình huống 2

Nhóm 4 xử lý tình huống 2 bài 4 (Unit 4) dưới dạng tổ chức một phiên họp bàn về việc ra mắt một dòng sản phẩm mới với các nội dung liên quan đến giá cả, đối tượng khách hàng thế nào.

2.2.3.3. Xử lý tình huống 3

Nhóm 6 xử lý tình huống 3 bài 5 (Unit 5) giữa lãnh đạo công ty và phòng nhân sự về vấn đề nhân viên nghỉ việc nhiều. Họ thảo luận về không gian làm việc, thu nhập, khối lượng công việc.

2.2.3.4. Xử lý tình huống 4

Nhóm 2 xử lý tình huống 4 bài 6 (Unit 6) thảo luận để chọn một địa điểm phù hợp để lãnh đạo các chi nhánh gặp nhau. Họ cân nhắc về vị trí, giá cả, trang thiết bị ở địa điểm lựa chọn.

2.2.3.5. Xử lý tình huống 5

Nhóm 1 xử lý tình huống 5 bài 7 (Unit 7) để tìm ra nguyên nhân tại sao việc tung ra dòng sản phẩm mới không thành công. Họ nghĩ đến việc cải tiến mẫu mã đóng gói, hạ giá thành, và tung ra chương trình khuyến mại.

2.2.3.6. Xử lý tình huống 6

Nhóm 3 xử lý tình huống 6 bài 8 (Unit 8) liên quan đến việc lập kế hoạch cho chương trình bản tin đầu tiên lên sóng. Họ cùng nhau lựa chọn chủ đề, khách mời, dẫn chương trình ...

2.2.3.6. Xử lý tình huống 7

Nhóm 5 xử lý tình huống 7 bài 9 (Unit 9) bằng cách cho hai nhóm bán hàng của hai công ty Muller và Peterson gặp nhau. Tại buổi gặp đại diện hai nhóm thuyết trình về quan điểm của hai nhóm về chế độ thanh toán về chế độ làm việc và cách duy trì mối liên hệ với khách hàng.

2.2.3.6. Xử lý tình huống 8

Nhóm 8 xử lý tình huống 8 bài 10 (Unit 10) liên quan đến một nhân viên của công ty. Có người muốn cho nhân viên đó nghỉ việc, có người muốn giữ nhân viên đó ở lại công ty. Họ tổ chức cuộc họp để nghe các ý kiến và Giám đốc đưa ra quyết định và phân tích về quyết định đó.

2.2.4. Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ tình huống

Sau khi các nhóm trình bày cách xử lý tình huống của mình, giảng viên chuẩn bị cho các nhóm khác phiếu đánh giá (*xem trong phụ lục*) để các nhóm nghe và ghi lại các nhận xét, sau đó trình bày nhận xét về nhóm thực hiện. Nhận xét của các nhóm khác là một kênh tham khảo. Giảng viên cũng chăm theo phiếu đó phân xử lý tình huống của các nhóm. Đánh giá cuối cùng, điểm số của các nhóm và bài học rút ra từ các tình huống như sau:

2.2.4.1. Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ việc xử lý tình huống 1

Nhóm 7 là nhóm đầu tiên xử lý tình huống của học phần. Tuy thời gian chuẩn bị của nhóm ít, nhóm đã tập trung nghiên cứu tình huống, chọn cách làm là thuyết trình, thuyết phục về phương án đầu tư cải tiến để nâng cao doanh số bán hàng. Nội dung xử lý tình huống của nhóm tốt, tuy phần nói còn chưa thực sự lưu loát và cách diễn còn ngượng nghịu. Nhóm này được đánh giá điểm số là 8.25, 8.25, 8, 7.75, 7.75 cho 5 bạn trong nhóm. Bài học rút ra từ tình huống này là mỗi quyết định kinh doanh cần được cân nhắc cẩn thận, việc chi tiền đầu tư vào nội dung nào cần được tính toán chi tiết.

2.2.4.2. Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ việc xử lý tình huống 2

Nhóm 4 là nhóm tiếp theo xử lý tình huống của bài 4. Nhóm này tiến hành một buổi họp, tại đó các thành viên đưa ra ý kiến về dòng sản phẩm mới định tung ra trên thị trường. Nhóm này chuẩn bị nội dung khá kỹ và tập tình huống trong nhóm tốt nên có phần trình bày trên lớp rất thuyết phục. Nhóm này được đánh giá điểm số là 9, 8.5, 8.5, 8.25 cho 4 bạn trong nhóm. Bài học rút ra từ tình huống này là ý tưởng kinh doanh là rất quan trọng. Công ty mà tận dụng được các ý tưởng kinh doanh tốt từ các nhân viên và lãnh đạo sẽ là một lợi thế.

2.2.4.3. Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ việc xử lý tình huống 3

Nhóm 6 xử lý tình huống bài 5 bằng việc thảo luận về tình huống căng thẳng trong công ty dẫn đến nhiều người nghỉ việc. Trong việc xử lý nội dung, nhóm đã chủ động xây dựng và tham khảo ý kiến của giảng viên. Tuy nhiên, nhóm này phần thực hành nói chưa nhuần nhuyễn nên khi trình bày chưa đạt hiệu quả cao. Nhóm này được đánh giá điểm số là 8, 8, 8, 7.5, 7, 7 cho 5 bạn trong nhóm. Bài học rút ra từ tình huống này là áp lực và sự căng thẳng trong công ty là điều không tránh khỏi, công ty cần giải quyết vấn đề này.

2.2.4.4. Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ việc xử lý tình huống 4

Nhóm 2 xử lý tình huống bài 6 lựa chọn địa điểm tổ chức hội thảo. Họ bàn bạc với nhau về vị trí của khách sạn, giá cả, tiện nghi ... Họ xây dựng tình huống hội thoại trong phòng nghỉ của công ty, trong giờ nghỉ giải lao giữa các phiên họp. Nhóm 2 chuẩn bị nội dung rất hấp dẫn và cách nói và diễn rất tự nhiên. Nhóm này được đánh giá điểm số là 9, 9, 9, 9, 8.5 cho 5 bạn trong nhóm. Bài học rút ra từ tình huống này là trong kinh doanh cần tạo dựng các mối quan hệ, việc này có thể được thực hiện trong công việc cũng như trong các bữa tiệc chiêu đãi hay các hoạt động ngoại khóa của công ty.

2.2.4.5. Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ việc xử lý tình huống 5

Nhóm 1 xử lý tình huống liên quan đến việc doanh số bán sản phẩm mới không đạt như dự tính, họ đang bàn về mẫu mã sản phẩm, chất liệu vỏ chai, thể tích, giá thành, kênh bán hàng ... Nhóm 1 cũng là nhóm xử lý tình huống hiệu quả, và làm việc trong nhóm tốt. Nhóm này được đánh giá điểm số là 9, 9, 8.75, 8.5, 8.25 cho 5 bạn trong nhóm. Bài học rút ra từ tình huống này là marketing (tiếp thị, thị trường) là cả một nghệ thuật. Việc đầu tư vào marketing là quan trọng để đảm bảo cho các chiến dịch tung các sản phẩm ra thị trường.

2.2.4.6. Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ việc xử lý tình huống 6

Nhóm 3 xử lý tình huống chuẩn bị cho bản tin đầu tiên lên sóng. Họ lựa chọn

1 chủ đề trong 6 chủ đề đã khảo sát khan giả, nhân vật khách mời, và người dẫn chương trình. Nhóm đã xác định được vấn đề cần giải quyết tuy cách trình bày không thực sự trôi chảy và mạch lạc. Nhóm này được đánh giá điểm số là 7.75, 7.5, 7.5, 7, 7 cho 5 bạn trong nhóm. Bài học rút ra từ tình huống này là mọi hoạt động kinh doanh cần phải được lập kế hoạch. Các bộ phận thực hiện cần bàn bạc kỹ lưỡng và lập kế hoạch chi tiết để tiến hành công việc hiệu quả nhất.

2.2.4.7. Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ việc xử lý tình huống 7

Nhóm 5 cho hai nhóm bán hàng gặp nhau. Họ cùng thảo luận về các vấn đề liên quan đến việc bán hàng (chế độ lương, thưởng, chương trình khuyến mại, việc cam kết với khách hàng về việc giao hàng ...). Nhóm biết kết hợp nội dung chính với việc sử dụng kỹ năng giao tiếp, xây dựng mối quan hệ bên lề cuộc họp. Nhóm có một điểm yếu của nhóm là chưa kết hợp nhịp nhàng giữa các thành viên trong nhóm, và chưa nhớ hết kịch bản. Nhóm này được đánh giá điểm số là 8.5, 8, 8, 7.75, 7.5 cho 5 bạn trong nhóm. Bài học rút ra từ tình huống này là lãnh đạo là một công việc không dễ dàng, việc quản lý mọi người để mọi người có thể đoàn kết, hợp tác làm việc với nhau là một nhiệm vụ quan trọng.

2.2.4.8. Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ việc xử lý tình huống 8

Nhóm 8 tổ chức cuộc họp. Tại đó giám đốc nghe cả ý kiến ủng hộ và ý kiến phản đối với một nhân viên. Là người chủ tọa, giám đốc quyết định giữ lại nhân viên với lý giải rằng ông ấy có nhiều đóng góp cho công ty và có thể khắc phục được các nhược điểm. Nhóm đã xác định được vấn đề cần giải quyết tuy nhiên còn chưa kỹ càng trong khâu chuẩn bị và làm việc nhóm. Nhóm này được đánh giá điểm số là 7.25, 7.25, 7, 7, 7 cho 5 bạn trong nhóm.

Bài học rút ra từ tình huống này là công ty càng lớn, càng có nhiều lao động thì xung đột trong công ty càng khó tránh khỏi. Lãnh đạo phải biết dung hòa, và động viên khích lệ để nhân viên cống hiến sức mình cho công ty.

Chương 3: Kết quả áp dụng phương pháp dạy học tình huống trong phát triển kỹ năng nói tiếng Anh

3.1. Bối cảnh điều tra

3.1.1. Sinh viên D14 KT

Lớp D14 KT là lớp hiện đang học năm thứ 3 thuộc Khoa Kinh tế. Lớp có 39 sinh viên, trong đó có 34 sinh viên nữ (chiếm tỷ lệ 87%) và 5 sinh viên nam (chiếm tỷ lệ 13%). Các sinh viên đa phần sinh năm 2003 (có 34/39 em chiếm 87%), còn lại có em sinh năm 2000, 2002, 1998, 1999.

3.1.2. Giảng viên dạy học phần Anh văn thương mại căn bản 2 tại lớp D14KT

Giảng viên dạy lớp Anh văn thương mại căn bản 2 là giảng viên trong nhóm thực hiện đề tài. Giảng viên có trình độ thạc sỹ tiếng Anh, có 18 năm giảng dạy tiếng Anh ở trường và nhiều năm giảng dạy học phần Anh văn thương mại căn bản 1, 2.

3.1.3. Phiếu khảo sát

Để khảo sát ý kiến của sinh viên về việc sử dụng case study (tình huống) trong dạy học môn Anh văn thương mại căn bản 2 để phát triển kỹ năng nói cho sinh viên, nhóm thực hiện đề tài đã xây dựng phiếu khảo sát. Phiếu khảo sát gồm 3 câu hỏi:

- Câu hỏi 1: “Em đánh giá như thế nào về lợi ích của dạy học tình huống được sử dụng trong môn Anh văn thương mại căn bản 2?”

Câu hỏi này để lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về lợi ích của dạy học tình huống đối với học phần. Trong câu hỏi này, nhóm tác giả đưa ra gợi ý 10 lợi ích của phương pháp này để sinh viên đánh giá.

- Câu hỏi 2: “Em gặp khó khăn gì khi giải quyết phần tình huống môn Anh văn thương mại căn 2?”

Câu hỏi này để lấy nhận xét của sinh viên về khó khăn khi giải quyết phần tình huống môn học. Nhóm thực hiện đưa ra 6 khó khăn gợi ý để sinh viên lựa chọn.

- Câu hỏi 3: “Em nghĩ gì về những giải pháp khắc phục khó khăn dưới đây?”

Câu hỏi này khuyến khích sinh viên tham gia ý kiến về giải pháp khắc phục nhược điểm của phương pháp. Có 10 giải pháp được đề xuất, ngoài ra sinh viên có thể đưa thêm giải pháp mà họ cho là thích hợp.

Phiếu khảo sát được giảng viên giảng dạy trên lớp phát cho sinh viên vào đầu tuần 13 của học kỳ I năm học 2023-2024 của khoá D14 khi sinh viên đã xử lý xong tình huống của bài 10 (Unit 10) theo kế hoạch giảng viên đã đưa ra.

3.1.4. Bài kiểm tra nói thực hiện phần tình huống (case study)

Phần trình bày tình huống tình huống (case study) được thực hiện theo hình

thức nhóm, mỗi nhóm có 4 hoặc 5 sinh viên. Các nhóm có thời gian trình bày là 10-15 phút. Mỗi bài sẽ gồm các phần:

Mở bài: các nhóm giới thiệu các thành viên, giới thiệu tình huống, và bối cảnh xử lý tình huống.

Nội dung chính: Các tình huống được giảng viên giao cho nhóm nghiên cứu từ trước. Các nhóm phân vai, chia nội dung để các thành viên cùng thực hiện các phần nội dung trong phần xử lý tình huống của nhóm. Tại lớp nhóm chịu trách nhiệm tình huống nào trình bày trên lớp phần xử lý tình huống đó. Thực tế là các nhóm có cách xử lý khá đa dạng các tình huống được giao.

Kết bài: Các nhóm kết luận tình huống, chào và cảm ơn cô và các nhóm đã chú ý lắng nghe.

3.2. Kết quả điều tra

3.2.1. Thái độ của sinh viên khi được áp dụng phương pháp dạy học tình huống

3.2.1.1. Qua quan sát của giảng viên

Là thành viên trong đề tài cũng trực tiếp giảng dạy và hướng dẫn sinh viên thực hiện xử lý các tình huống, nhóm tác giả nhận thấy một số đặc điểm sau.

Về phía giảng viên, giảng viên khi áp dụng phương pháp dạy học tình huống thì sẽ không phải soạn phần Case Study cuối mỗi bài học, thay vào đó là giao nhiệm vụ cho các nhóm, hướng dẫn nhóm tìm hiểu, chuẩn bị và trình bày trên lớp. Thay vì dạy phần này, giảng viên sẽ lắng nghe cách giải quyết từ phía sinh viên, nhận xét phần xử lý của họ. Giảng viên có sự thay đổi trong phương pháp, từ thuyết trình sang gợi ý, hướng dẫn và đánh giá. Giảng viên cởi mở hơn trong cách tiếp cận và truyền tải nội dung. Việc lắng nghe cách giải quyết vấn đề từ các nhóm cũng đem lại những trải nghiệm mới cho các bài học.

Về phía sinh viên, qua quan sát của giảng viên các nhóm đã tích cực hơn trong việc tiếp cận các vấn đề. Thay vì ngồi thụ động nghe giảng viên giảng giải, các nhóm đã phải tự đọc và thảo luận về các tình huống. Họ phải lên mạng hay thư viện tìm thêm tài liệu về vấn đề. Họ học cách làm việc nhóm, phân chia công việc cho từng thành viên. Họ luyện nói cùng với nhau trong tình huống mà họ nghĩ ra (ví dụ trong cuộc họp, trong tiệc chiêu đãi, bên lề cuộc họp, ...). Cuối cùng họ biết viết ra cách xử lý tình huống để nộp cho giảng viên và biết đứng trước lớp nói hay diễn cách xử lý tình huống của nhóm mình. Nhìn chung, sinh viên chủ động hơn trong việc học và rèn việc nói tiếng Anh nhiều hơn.

3.2.1.2. Qua phiếu khảo sát

Sau khi các nhóm đã xử lý hết các tình huống mà giảng viên đưa ra, nhóm tác giả tiến hành phát phiếu khảo sát. Việc khảo sát được thực hiện cho đủ 39 bạn trong lớp. Kết quả khảo sát được thể hiện trong các bảng sau đây.

- Sinh viên đánh giá lợi ích của dạy học tình huống được sử dụng trong môn Anh văn thương mại căn bản 2 như sau:

STT	Lợi ích của dạy học tình huống	Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Bình thường		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tình huống giúp em ghi nhớ/mở rộng vốn từ chuyên ngành kinh tế/ kinh doanh	0	0%	0	0%	9	23.1 %	18	46.2 %	12	30.8 %
2	Tình huống giúp em hiểu rõ hơn nghĩa của từ vựng chuyên ngành và cách sử dụng chúng trong thực tiễn	0	0%	0	0%	5	12.8 %	20	51.3 %	14	35.9 %
3	Tình huống giúp em thấy dễ hiểu và nắm chắc hơn lý thuyết kinh tế	0	0%	0	0%	11	28.2 %	14	35.9 %	14	35.9 %
4	Em có thể áp dụng lý thuyết đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề từ thực tiễn	0	0%	0	0%	14	35.9 %	11	28.2 %	14	35.9 %
5	Tình huống giúp em nâng cao tư duy phân biện, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề	1	2.6 %	0	0%	9	23.1 %	17	43.6 %	12	30.8 %
6	Tình huống giúp em phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết học thuật, dịch chuyên ngành	0	0%	1	2.6 %	8	20.5 %	12	30.8 %	18	46.2 %
7	Tình huống giúp em phát triển kỹ năng tự học, em có thể tự tìm hiểu và giải quyết vấn đề	0	0%	0	0%	6	15.4 %	18	46.2 %	15	38.5 %
8	Khi làm các bài tập tình huống em cảm thấy tự tin hơn khi thảo luận hoặc phân tích đánh giá các vấn đề kinh tế trên thực tiễn	0	0%	1	2.6 %	12	30.8 %	16	41 %	10	25.6 %
9	Em thấy hào hứng và yêu thích môn học hơn	0	0%	2	5.1 %	12	30.8 %	16	41 %	9	23.1 %
10	Thông qua các tình huống, em thấy hứng thú với những ngành nghề liên quan đến kinh tế và mong muốn được làm việc trong những ngành nghề này	0	0%	1	2.6 %	18	46.2 %	12	30.8 %	8	20.5 %

Bảng 3.1: Kết quả trả lời Câu hỏi 1: Em đánh giá như thế nào về lợi ích của dạy

học tình huống được sử dụng trong môn Anh văn thương mại căn bản 2?

Từ bảng trên có thể thấy rằng sinh viên đồng ý với các lợi ích mà giảng viên liệt kê trong bảng, tỷ lệ đồng ý và đồng ý hoàn toàn với các ý mà giảng viên đưa ra đều trên 50%. Trong đó, tỷ lệ nhiều nhất (87%) đồng ý cho rằng tình huống giúp họ hiểu rõ hơn nghĩa của từ vựng chuyên ngành và cách sử dụng chúng trong thực tiễn. Tiếp theo, sinh viên đánh giá tình huống giúp họ phát triển kỹ năng tự học, họ có thể tự tìm hiểu và giải quyết vấn đề (tỷ lệ đồng ý và đồng ý hoàn toàn là 84.6%). Hơn ¾ sinh viên cũng thừa nhận tình huống giúp họ ghi nhớ/mở rộng vốn từ chuyên ngành kinh tế/ kinh doanh và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết học thuật, dịch chuyên ngành. Theo phiếu khảo sát, 2/3 sinh viên hoặc hơn ghi nhận tình huống cũng giúp họ thấy dễ hiểu và nắm chắc hơn lý thuyết kinh tế, nâng cao tư duy phản biện, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề. Khi làm các bài tập tình huống họ cảm thấy tự tin hơn khi thảo luận hoặc phân tích đánh giá các vấn đề kinh tế trên thực tiễn, họ có thể áp dụng lý thuyết đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề từ thực tiễn. Từ đó, họ thấy hào hứng và yêu thích môn học hơn. Cuối cùng, hơn 50% sinh viên nói rằng thông qua các tình huống, họ thấy hứng thú với những ngành nghề liên quan đến kinh tế và mong muốn được làm việc trong những ngành nghề này.

- Sinh viên đánh giá khó khăn khi giải quyết phần tình huống môn Anh văn thương mại căn 2 như sau:

S T T	Khó khăn	Luôn luôn		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Trong phần tình huống có những tình huống có nội dung chuyên ngành khó, vượt quá tầm hiểu biết của em	0	0%	5	12.8 %	22	56.4 %	8	20.5 %	4	10.3 %
2	Em thấy khó khăn trong việc hiểu yêu cầu, nhiệm vụ được giao ở phần tình huống và không biết phải làm gì	0	0%	3	7.7 %	14	35.9 %	17	43.6 %	5	12.8 %
3	Thời gian để chuẩn bị và giải quyết tình huống còn ít”	0	0%	2	5.1 %	7	17.9 %	15	38.5 %	15	38.5 %
4	Quá nhiều phần tình huống khiến em thấy áp lực, quá tải	0	0%	2	5.1 %	7	17.9 %	19	48.7 %	11	28.2 %

5	Các thành viên nhóm em không chủ động, tích cực khi cùng thực hiện nhiệm vụ cho phần tình huống	0	0%	1	2.6%	8	20.5%	14	35.9%	16	41%
6	Em thấy không hứng thú với phần tình huống và thấy mệt mỏi khi phải làm các nhiệm vụ	0	0%	0	0%	5	12.8%	9	23.1%	25	64.1%

Bảng 3.2: Kết quả trả lời Câu hỏi 2: Em gặp khó khăn gì khi giải quyết phần tình huống môn Anh văn thương mại căn 2?

Kết quả từ bảng khảo sát trên cũng là dấu hiệu đáng mừng cho giảng viên giảng dạy học phần này. Có 87.2% sinh viên trong lớp trả lời rằng họ không bao giờ hay hiếm khi thấy không hứng thú với phần tình huống và thấy mệt mỏi khi phải làm các nhiệm vụ. Thái độ tích cực và hợp tác này là động lực cho giảng viên tiếp tục áp dụng phương pháp dạy học tình huống ở lớp này và nhân rộng ra các lớp khác. Có đến $\frac{3}{4}$ số sinh viên không cho rằng thời gian để chuẩn bị và giải quyết tình huống còn ít hay quá nhiều phần tình huống khiến họ thấy áp lực, quá tải hay các thành viên trong nhóm không chủ động, tích cực khi cùng thực hiện nhiệm vụ cho phần tình huống. Điều này cho thấy là việc phân thời gian để cho các nhóm chuẩn bị và xử lý tình huống đã hợp lý. Các tình huống cũng không làm cho đa số các em thấy quá tải, mệt mỏi hay áp lực nhiều. Các thành viên trong nhóm đa phần đã có ý thức tham gia để cùng thực hiện nhiệm vụ chung là xử lý các tình huống. Tuy nhiên khi được hỏi ở phần này cũng có gần một nửa lớp thừa nhận họ gặp khó khăn trong việc hiểu yêu cầu, nhiệm vụ được giao ở phần tình huống và không biết phải làm gì. Thực tế giảng dạy, giảng viên đã làm việc riêng với từng nhóm vào giờ giải lao hoặc sau giờ học để giải thích yêu cầu của tình huống và giải đáp các băn khoăn của từng thành viên trước khi sinh viên bắt tay vào thực hiện tình huống. Đặc biệt có gần 70% sinh viên lo lắng về tình huống có những tình huống có nội dung chuyên ngành khó, vượt quá tầm hiểu biết của họ. Với khó khăn này, trong quá trình các nhóm làm, giảng viên đã yêu cầu sinh viên dịch các yêu cầu của các tình huống và điều chỉnh chỗ sinh viên hiểu chưa đúng hay cung cấp thêm vốn từ mà sinh viên chưa biết về mảng đó.

- Sinh viên cũng có suy nghĩ về những giải pháp khắc phục khó khăn như sau:

STT	Lợi ích của dạy học tình huống	1		2		3		4		5	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tình huống nên được áp dụng sau từng bài học	0	0%	1	2.6%	12	30.8%	12	30.8%	14	35.9%

2	Chỉ nên áp dụng 2-3 tình huống cho cả khóa học	1	2.6%	10	25.6%	12	30.8%	10	25.6%	6	15.4%
3	Nên chọn những tình huống ngắn gọn, dễ hiểu, cập nhật nhất, gần gũi với cuộc sống	0	0%	0	0%	6	15.4%	12	30.8%	21	53.8%
4	Với những từ vựng chuyên ngành khó, giảng viên nên cung cấp bảng từ vựng hoặc giải thích nghĩa	0	0%	0	0%	6	15.4%	15	38.5%	18	46.2%
5	Cần có yêu cầu và hướng dẫn cụ thể từng bước cho các nhiệm vụ của mỗi tình huống để sinh viên biết cần phải làm gì	0	0%	0	0%	5	12.8%	18	46.2%	16	41%
6	Cần có tiêu chí thang điểm đánh giá rõ ràng cho từng tình huống	0	0%	0	0%	6	15.4%	14	35.9%	19	48.7%
7	Giảng viên nên cung cấp kiến thức nền để sinh viên hiểu rõ hơn các tình huống	0	0%	0	0%	3	7.7%	20	51.3%	16	41%
8	Sinh viên cần được cung cấp trước các tình huống để tự tìm hiểu ở nhà trước khi thảo luận nhóm trên lớp	0	0%	0	0%	5	12.8%	21	53.8%	13	33.3%
9	Các phần tình huống nên được sử dụng chung cho tất cả các lớp để đảm bảo tính công bằng	0	0%	1	2.6%	8	20.5%	12	30.8%	18	46.2%
10	Giảng viên nên cung cấp các nguồn tham khảo cho sinh viên để	0	0%	0	0%	4	10.3%	13	33.3%	22	56.4%

giải quyết các tình huống										
---------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bảng 3.3: Kết quả trả lời Câu hỏi 3: Em nghĩ gì về những giải pháp khắc phục khó khăn dưới đây?

Từ bảng trên ta thấy đa số sinh viên không đồng ý với việc chỉ nên áp dụng 2-3 tình huống cho cả khóa học. Thực tế ở học phần này giảng viên tiến hành 10 tình huống (8 tình huống có đánh giá và 2 tình huống ban đầu khi chưa áp dụng phương pháp dạy học tình huống). Việc triển khai các tình huống khác nhau cho mỗi bài học là cơ hội cho sinh viên thử sức và luyện tập. Theo phản hồi của sinh viên, tỷ lệ đa số các em (92.3%) nghĩ rằng giảng viên nên cung cấp kiến thức nền để sinh viên hiểu rõ hơn các tình huống. Phần này giảng viên đã thực hiện bằng việc cho sinh viên học các nội dung nền của bài (từ phần tự vựng, cấu trúc đến bài đọc, kỹ năng, bài nghe ...) trước rồi mới đến phần xử lý tình huống. Tiếp theo rất đông sinh viên (89.7%) ý kiến rằng giảng viên nên cung cấp các nguồn tham khảo cho họ để giải quyết các tình huống. Trong quá trình giảng dạy học phần, ngoài việc giới thiệu các tài liệu tham khảo từ đầu khóa học, giảng viên cũng gợi ý cho sinh viên các tài liệu trên thư viện hay các nguồn trên mạng Internet. Các sinh viên cũng đề xuất cần có yêu cầu và hướng dẫn cụ thể từng bước cho các nhiệm vụ của mỗi tình huống để sinh viên biết cần phải làm gì. Với giảng viên phụ trách học phần này, trước khi tiến hành triển khai nhiệm vụ, giảng viên đã hướng dẫn các bước để các nhóm thực hiện, tuy nhiên khi vào từng tình huống cụ thể sinh viên vẫn gặp khó khăn và muốn được hướng dẫn thêm. 84.6% sinh viên cũng cho rằng nên chọn những tình huống ngắn gọn, dễ hiểu, cập nhật nhất, gần gũi với cuộc sống tuy nhiên nội dung này cũng còn bị chi phối vì các tình huống phải bám theo các nội dung của bài học và cần có tiêu chí thang điểm đánh giá rõ ràng cho từng tình huống, nội dung này đã được triển khai cụ thể đến sinh viên khi các nhóm trình bày xử lý tình huống trên lớp. Sinh viên có kiến nghị các phần tình huống nên được sử dụng chung cho tất cả lớp để đảm bảo tính công bằng, yêu cầu này không thực hiện được với học phần này vì có nhiều bài học và có nhiều tình huống cần được xử lý. Một số em có ý kiến tình huống nên được áp dụng sau từng bài học, nội dung này giảng viên thực tế là đã thực hiện trên lớp.

3.2.2. Kết quả học tập kỹ năng nói của sinh viên khi được áp dụng phương pháp dạy học tình huống

3.2.2.1. Điểm kiểm tra nói (xử lý tình huống ở bài 1 và bài 2)

Bắt đầu khóa học, khi chưa áp dụng dạy học tình huống, giảng viên cho sinh viên tự đọc và xử lý tình huống bài 1 và bài 2. Giảng viên cho các nhóm trình bày sau 5 phút chuẩn bị và tiến hành chấm điểm.

3.2.2.2. Điểm kiểm tra nói (xử lý tình huống ở các bài từ unit 3 đến unit 10)

Sau bài 2, giảng viên tiến hành hướng dẫn sinh viên cách tiến hành xử lý tình huống. Giảng viên tiến hành phân nhóm, bốc thăm chủ đề và thông báo thời gian

trình bày phân xử lý tình huống. Mỗi phần trình bày, các nhóm khác cũng cho điểm và nhận xét, là kênh tham khảo để giảng viên chốt đánh giá cho điểm. Bảng điểm của các phần kiểm tra này thể hiện trong bảng sau:

Nhóm	Họ tên		Điểm bài 1 và bài 2	Điểm bài 3 đến bài 10
1	Hà Thị Kim	Anh	8	9
	Phạm Thanh	Thảo	8	8.75
	Nguyễn Thị	Hương	8	9
	Đào Anh	Vũ	7.5	8.25
	Đinh Thị Ngọc	Anh	7.5	8.5
2	Nguyễn Thị Thu	Hiền	8	9
	Bùi Nhật	Minh	8	9
	Đỗ Thị Phương	Thùy	8	9
	Nguyễn Thùy	Linh	8	9
	Phạm Thị Thùy	Linh	8	8.5
3	Đào Ngọc Bảo	Linh	7.5	7.75
	Dương Thị Phương	Huyền	7	7
	Phạm Hương	Lan	7	7.5
	Đinh Kiều	Anh		7.5
	Orlavong	Thinsouda	7	7
4	Tạ Thị	Hạnh	8	8.5
	Bùi Thị Quỳnh	Nga	8	9
	Đinh Thị	My	8	8.25
	Phạm Ngọc	Ánh	8	8.5
5	Bùi Nguyễn Hà	Phương	7	8.5
	Vũ Thị Huyền	Trang	6.5	9
	Nguyễn Thị Thanh	Loan	7	8.25
	Phạm Thị Khánh	Huyền	7.5	8.5
	Nguyễn Diệu	Linh	7.5	8.5
6	Phạm Thị Mai	Hoa	7.5	7.5
	Vũ Thị	Dịu	7	8
	Đinh Thị	Mai	8	8
	Nguyễn Lâm	Tùng	7	7
	Phạm Quốc	Huy	7.5	7
7	Trần Thị Thu	Hương	7.5	8.25
	Phạm Ngọc	Lan	7.5	7.75
	Phạm Thị Kim	Ngân	7.5	8.25
	Trần Thị Hồng	Nhung	7.5	7.75
	Đào Nguyễn Khánh	Hiền	7.5	8
8	Vũ Khánh	Linh	7.5	7.25
	Đinh thị	Ngân	7.5	7.25
	Phạm Văn	Đông	7	7
	Nguyễn Thế	Đại	7	7
	Vaenvongthong	Thongvern	6.5	7

Bảng 3.4: Điểm kiểm tra nói (xử lý tình huống)

Từ bảng điểm trên, nhóm thực hiện đề tài thấy có sự cải thiện trong điểm số của các nhóm. Do có thời gian chuẩn bị và làm việc trong nhóm, các nhóm trình bày bằng hình thức nói lên cách xử lý các tình huống trôi chảy và thuyết phục hơn. Đa phần các sinh viên có điểm số tăng lên từ 0.25 đến 1 điểm. Cá biệt có em tăng lên 2.5 điểm. Tuy nhiên cũng có em, do không chịu khó đọc và chuẩn bị nội dung, phần tập nói không kỹ càng nên điểm số thậm chí còn thấp hơn, không có sự cải thiện hoặc nhiều cải thiện.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ việc nghiên cứu về phương pháp dạy học tình huống, những lợi ích cũng như thách thức khi việc áp dụng phương pháp này đối với việc dạy và học, nhóm tác giả nghiên cứu tiến trình dạy học theo phương pháp dạy học tình huống. Các nhà nghiên cứu chia tiến trình dạy học tình huống ra các bước khác nhau và tên gọi cũng khác nhau. Nhóm tác giả nghiên cứu đề tài đã tiến hành dạy học tình huống gồm 4 bước là xác định tình huống, chia nhóm nghiên cứu tình huống, xử lý tình huống và nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ tình huống.

Nhóm tác giả cũng nghiên cứu khái niệm về kỹ năng nói và thực trạng việc học tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Hoa Lư, việc áp dụng phương pháp dạy học tình huống ở Trường Đại học Hoa Lư, nghiên cứu Học phần Anh văn thương mại căn bản 2 và giáo trình Market Leader (Pre-Intermediate) để áp dụng phương pháp dạy học tình huống.

Tiến hành giảng dạy thực tế học phần Anh văn thương mại căn bản 2 tại lớp D14 KT, giảng viên (là thành viên đề tài) đã tiến hành đúng 4 bước như trong lý thuyết đã nghiên cứu. Bước 1 là Xác định tình huống: Giảng viên đưa ra đưa ra 8 tình huống tương ứng với 8 bài (từ bài 3 đến bài 10). Bước 2 là Chia nhóm nghiên cứu tình huống: Giảng viên chia 39 sinh viên lớp D14KT thành 8 nhóm (từ nhóm 1 đến nhóm 8). Giảng viên cho các nhóm bốc thăm chủ đề để nghiên cứu tình huống. Bước 3 là Xử lý tình huống: Các nhóm đã bốc thăm tiến hành nghiên cứu chủ đề và trình bày cách xử lý tình huống dưới dạng nói theo nhóm trên lớp vào các tiết cuối của mỗi bài học. Bước 4 là Nhận xét, đánh giá, đưa ra bài học từ tình huống. Giảng viên chấm điểm xử lý tình huống của các nhóm. Cuối bài giảng viên hướng dẫn sinh viên rút ra bài học cho mỗi tình huống.

Sau khi tiến hành áp dụng, nhóm tác giả thu được một số kết quả trong việc áp dụng phương pháp dạy học tình huống trong phát triển kỹ năng nói tiếng Anh. Qua quan sát của giảng viên và quan sát sinh viên lớp D14KT, tác giả nhận thấy có những phản hồi tích cực từ hai phía người dạy và người học. Sinh viên cũng đánh giá phương pháp này có một số lợi ích nổi bật cũng như nhận ra một khó khăn khi giải quyết phần tình huống môn Anh văn thương mại căn 2. Họ cũng có suy nghĩ về những giải pháp khắc phục khó khăn của việc áp dụng phương pháp này.

Về mặt điểm số kỹ năng nói, qua so sánh điểm phần nói xử lý tình huống bài không áp dụng dạy học tình huống và bài đã tiến hành áp dụng, nhóm tác giả thấy

có sự cải thiện điểm của các thành viên các nhóm. Tuy nhiên điểm cải thiện ít nhiều còn do sự cố gắng và nỗ lực của các em khác nhau.

Như vậy nhìn chung khi áp dụng phương pháp dạy học tình huống có sự cải thiện bước đầu về thái độ tích cực của giảng viên và sinh viên, có sự cải thiện về điểm số phần nói. Như vậy bước đầu kết luận là phương pháp có thể áp dụng để nâng cao khả năng nói tiếng Anh cho sinh viên.

2. Kiến nghị

Bước đầu nghiên cứu, nhóm thực hiện đề tài thấy có những hiệu quả bước đầu trong việc áp dụng phương pháp dạy học tình huống để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên. Tuy nhiên để hiệu quả này được ổn định, duy trì và phát triển, chúng tôi xin có một số kiến nghị như sau:

Đối với giảng viên, để sử dụng phương pháp dạy học tình huống có hiệu quả, họ cần phải nắm được rõ đặc điểm của phương pháp này. Họ phải hiểu rõ thế nào là phương pháp dạy học tình huống, đặc điểm của phương pháp, ưu nhược điểm của nó để có hiểu biết đầy đủ khi áp dụng. Bên cạnh đó, khi áp dụng phương pháp dạy học tình huống, giảng viên phải xác định được các vấn đề cần giải quyết cũng như tìm ra các tình huống thiết thực, phù hợp với bài học và hấp dẫn với người học. Khi đã giao nhiệm vụ cho các nhóm thực hiện, giảng viên cũng cần phải luôn theo sát các nhóm, cung cấp thông tin nền, hướng dẫn nguồn tài liệu tham khảo, và hướng dẫn các nhóm xử lý tình huống khi họ gặp khó khăn cần sự giúp đỡ. Khi các nhóm trình bày phần xử lý tình huống, việc chú ý lắng nghe, đánh giá công tâm và định hướng cho sinh viên rút ra bài học tình huống cũng rất quan trọng trong việc dạy học sử dụng tình huống.

Đối với phía sinh viên, để theo học được phương pháp dạy học tình huống có hiệu quả, họ cần phải tích cực và chủ động hơn trong việc học. Trước hết, sinh viên cần tập trung lắng nghe hướng dẫn của giảng viên về phương pháp này để biết cách làm. Sinh viên cần biết cách làm việc theo nhóm, biết cách thảo luận với nhau, phân chia công việc, hợp tác với nhau và làm tròn phần việc của mình vì nhiệm vụ chung của nhóm. Học theo phương pháp này sinh viên cũng cần khả năng tự học, sinh viên biết cách đọc tài liệu tham khảo, tìm nội dung và cách xử lý và tự học phần nói của mình. Với phương pháp dạy học tình huống, sinh viên phải phát triển đồng thời nhiều kỹ năng như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng tự nghiên cứu ...

Đối với cơ quan quản lý, phương pháp dạy học tình huống muốn được thực hiện hiệu quả cũng cần sự tạo điều kiện, quan tâm và chia sẻ của các lãnh đạo, và

đội ngũ quản lý. Trước tiên là việc tạo điều kiện về mặt cơ sở vật chất như phòng học thoáng mát, có máy chiếu, có các thiết bị nghe nhìn, mạng Internet ... Việc tạo điều kiện về học thuật như cho phép giảng viên áp dụng các phương pháp mới, chấp nhận các tiết học không theo truyền thống như sinh viên không ngồi vào từng bàn mà có thể kê bàn để làm như tổ chức cuộc họp, hay bữa tiệc nhỏ, ... chấp nhận cả những ồn ào khi sinh viên đóng vai ... Việc ủng hộ và khuyến khích của lãnh đạo nhà trường sẽ khích lệ giảng viên áp dụng các phương pháp tích cực như dạy học tình huống.

Với giới hạn thời gian, nhóm đề tài mới chỉ thực hiện được việc nghiên cứu dạy học tình huống với học phần Anh văn thương mại căn bản 2 cho sinh viên D14KT, và đánh giá bước đầu qua quan sát của giảng viên và điểm thực hiện phần tình huống của các nhóm. Việc đánh giá chi tiết hơn việc cải thiện năng lực nói tiếng Anh hay việc áp dụng vào nhiều nội dung và các môn học khác sẽ là nội dung cho các nghiên cứu sau này cao hơn và rộng hơn của nhóm tác giả cũng như tác giả khác.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN

Dang Thanh Diem, Nguyen Thi Lien, Mai Thi Thu Han, Nguyen Thi Hue, Nguyen Thi Le Thu (2023). “*Case-based approach and its potentials to enhance speaking skills in esp courses: a literature review*”, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hoa Lư, 6(1), 51-59.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TIẾNG ANH

- [1] Basta, J. (2017). “*Role of Case Studies in Teaching English for Business and Economics*”, *Journal of Teaching English for Specific and Academic Purposes*, 5(3), 553-566.
- [2] Bekai, W. & Harkouss, S. (2018). The role of motivation in teaching speaking in ESP: A case study of a Lebanese private university. *The journal of teaching English for specific and academic purposes*, 6(1), 141-150.
- [3] Billings, D.M. & Halstead, J.A. (2005). *Teaching in Nursing: A guide for Faculty*. W.B. Saunders, Philadelphia, PA.
- [4] Bloom (Herried và cộng sự, 2011). *Case studies and flipped classroom*, *Journal of College Science Teaching*, v42 n5 p62-67.
- [5] Boehrer, J. (1995). *Teaching with cases: Learning to question*. *New Directions for Teaching and Learning*/Volume 1990, Issue 42.
- [6] Bonney, K.M. (2015). Case Study Teaching Method Improves Student Performance and Perceptions of Learning Gains. *Journal of Microbiology and Biology Education*, 16(1): 21-28.
- [7] Brown, H D. (2004). *Teaching by Principles, an Interactive Approach to Language Pedagogy*. New York: Addison Wesley Longman.
- [8] Chammas, M. (2017). *The benefits of using cases in teaching*, Halmstad University, School of Business, Engineering and Science.
- [9] Clark, D. (2012). *English – The Language of Global Business?* Forbes Magazine. Retrieved from <http://www.forbes.com/sites/dorieclark/2012/10/26/english-the-language-of-global-business/>
- [10] Esteban, A. A., & Pérez Cañado, M. L. (2004). *Making the case method work in teaching Business English: a case study*. *English for Specific Purposes*, 23(2), 137–161. doi:10.1016/s0889-4906(03)00016-4
- [11] Grosse, C. U. (1988). *The case study approach to teaching business english*. *English for Specific Purposes*, 7(2), 131–136. doi:10.1016/0889-4906(88)90031-2
- [12] Harmer, J. (2007). *The Practice of English Language Teaching* (4th Ed.). Edinburgh: Pearson Education Limited.
- [13] Hidayati, L. (2021). “*Case-based method and its implementation in English for Medical Purposes*”, *Journal of Language, Literature and English Teaching*, 2(1), 36-42.

- [14] Jackson, J. (1998). “*Reality-based decision cases in ESP teacher education: windows on practice*”. *English for Specific Purposes*, 17(2), 151-167.
- [15] McLean, S. F. (2016). “*Case-based Learning and its Applications in Medical and Health-Care Fields: A review of Worldwide Literature*”. *Journal of medical education and curricular development*, 3, JMECD. S20377.
- [16] Pospescu, A. (2016). *Teaching business English and case studies*. *Convergent discourses. Exploring the contexts of communication*, 17, 27-31.
- [17] Riddell, D. (2003). *Teach Yourself: Teaching English as A Foreign/Second Language*. London: Hodder & Stoughton Ltd.
- [17] Roell, C. (2019). “*Using a case study in EFL classroom*”. *English Teaching Forum*, 57(4), 24-33.
- [19] Spratt, Pulverness, and William (2011). *Teaching Knowledge Test Course*.
- [20] Strelchonok, A. & Ludviga, I. (2013), *The use of case studies in the Business English Language Teaching Social and Natural sciences journal*, 7 (1), 10-14.
- [21] Williams, B. (2005). “*Case based learning – a review of literature: is there scope for this education paradigm in prehospital education?*”, *EMJ*, 22(8), 577-581.

TIẾNG VIỆT

- [1] Trịnh Văn Biều (2010), “*Các phương pháp dạy học tích cực*”, NXB ĐHSPTPHCM.
- Lê Thị Bích Hạnh (2014). “*Ứng dụng phương pháp giảng dạy tình huống trong đào tạo tiếng Anh thương mại*”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, số 2 (75).2014, 46-49.
- [2] Nguyễn Linh Giang (2015). “*Vận dụng phương pháp nghiên cứu tình huống trong giảng dạy môn học kế toán*”, *Đề tài khoa học cấp cơ sở, trường Cao đẳng Công nghệ thông tin, Đại học Đà Nẵng*.
- [3] Nguyễn Thị Phương Hoa (2010). “*Sử dụng phương pháp tình huống trong giảng dạy môn Giáo dục học tại Trường ĐHNN-ĐHQGHN*”. *Đề tài NCKH cấp ĐHQGHN*.
- Nguyễn Trung Kiên (2013). “*Vận dụng phương pháp dạy học tình huống trong dạy học tại Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định*”, *Tạp chí Giáo dục* số 323, kì 1 – 12/2013, 29-31.
- [4] Phan Trọng Ngọ (2001). “*Phương pháp dạy học trong nhà trường*”, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

- [5] Đinh Văn Tiên, Ths. Nguyễn Thị Minh Phượng (2011). *Giáo trình phương pháp giảng dạy tích cực*. Trường ĐK Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.
- [6] Vi Thị Hạnh Thi (2019). *Xây dựng một số tình huống trong dạy học địa lý lớp 9 ở trường Trung học cơ sở nhằm hình thành cho học sinh năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hùng Vương, tập 15, Số 2 (2019): 58-66.
- [7] Phạm Thị Hoa Tình (2014). *Sử dụng tình huống để nâng cao hiệu quả trong giảng dạy môn học pháp luật đại cương*. Báo cáo khoa học tóm tắt, trường cao đẳng kỹ thuật công nghiệp.
- [8] Phạm Vũ Nhật Uyên (2013). “*Dạy học tình huống và một số biện pháp để sử dụng tình huống trong dạy học hóa học ở trường THPT*”, Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM, số 42 năm 2013, 148-158.
- [9] Phan Quan Việt (2013). “*Áp dụng phương pháp dạy học bằng tình huống trong giảng dạy học phần “Quản trị học”*”. Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một.

PHỤ LỤC

PHIẾU ĐIỀU TRA DÀNH CHO SINH VIÊN

Những câu hỏi dưới đây được thiết kế để phục vụ cho đề tài nghiên cứu về “khảo sát ý kiến của sinh viên về việc sử dụng case study (tình huống) trong dạy học môn Anh văn thương mại căn bản 2 để phát triển kỹ năng nói cho sinh viên”. Đề tài này được thực hiện với mong muốn cao lớn nhất là tìm hiểu những lợi ích và khó khăn của giảng viên và sinh viên khi áp dụng dạy học tình huống và từ đó giúp tìm ra được những phương pháp dạy học Anh văn thương mại căn bản phù hợp và hiệu quả nhất. Nhóm đề tài mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp chân thành từ các em sinh viên. Xin chân thành cảm ơn các em!

Câu hỏi 1: Em đánh giá như thế nào về lợi ích của dạy học tình huống được sử dụng trong môn Anh văn thương mại căn bản 2?

Hãy đánh dấu x vào sự lựa chọn theo thang dưới đây:

Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	2	3	4	5

STT	Lợi ích của dạy học tình huống	1	2	3	4	5
1	Tình huống giúp em ghi nhớ/mở rộng vốn từ chuyên ngành kinh tế/ kinh doanh					
2	Tình huống giúp em hiểu rõ hơn nghĩa của từ vựng chuyên ngành và cách sử dụng chúng trong thực tiễn					
3	Tình huống giúp em thấy dễ hiểu và nắm chắc hơn lý thuyết kinh tế					
4	Em có thể áp dụng lý thuyết đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề từ thực tiễn					
5	Tình huống giúp em nâng cao tư duy phản biện, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề					
6	Tình huống giúp em phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết học thuật, dịch chuyên ngành					

7	Tình huống giúp em phát triển kỹ năng tự học, em có thể tự tìm hiểu và giải quyết vấn đề					
8	Khi làm các bài tập tình huống em cảm thấy tự tin hơn khi thảo luận hoặc phân tích đánh giá các vấn đề kinh tế trên thực tiễn					
9	Em thấy hào hứng và yêu thích môn học hơn					
10	Thông qua các tình huống, em thấy hứng thú với những ngành nghề liên quan đến kinh tế và mong muốn được làm việc trong những ngành nghề này					

Ý kiến khác:

.....

.....

Câu hỏi 2: Em gặp khó khăn gì khi giải quyết phần tình huống môn Anh văn thương mại căn 2?

Hãy điền dấu gạch chéo (X) vào câu trả lời đúng với em:

STT	Khó khăn	Luôn luôn	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Trong phần tình huống có những tình huống có nội dung chuyên ngành khó, vượt quá tầm hiểu biết của em					
2	Em thấy khó khăn trong việc hiểu yêu cầu, nhiệm vụ được giao ở phần tình huống và không biết phải làm gì					
3	Thời gian để chuẩn bị và giải quyết tình huống còn ít”					
4	Quá nhiều phần tình huống khiến em thấy áp lực, quá tải					

5	Các thành viên nhóm em không chủ động, tích cực khi cùng thực hiện nhiệm vụ cho phần tình huống					
6	Em thấy không hứng thú với phần tình huống và thấy mệt mỏi khi phải làm các nhiệm vụ					

Ý kiến khác:

.....

.....

Câu hỏi 3: Em nghĩ gì về những giải pháp khắc phục khó khăn dưới đây?

Hãy khoanh tròn vào các điểm đúng với em theo thang dưới đây:

Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	2	3	4	5

STT	Lợi ích của dạy học tình huống	1	2	3	4	5
1	Tình huống nên được áp dụng sau từng bài học					
2	Chỉ nên áp dụng 2-3 tình huống cho cả khóa học					
3	Nên chọn những tình huống ngắn gọn, dễ hiểu, cập nhật nhất, gần gũi với cuộc sống					
4	Với những từ vựng chuyên ngành khó, giảng viên nên cung cấp bảng từ vựng hoặc giải thích nghĩa					
5	Cần có yêu cầu và hướng dẫn cụ thể từng bước cho các nhiệm vụ của mỗi tình huống để sinh viên biết cần phải làm gì					
6	Cần có tiêu chí thang điểm đánh giá rõ ràng cho từng tình huống					
7	Giảng viên nên cung cấp kiến thức nền để sinh viên hiểu rõ hơn các tình huống					

8	Sinh viên cần được cung cấp trước các tình huống để tự tìm hiểu ở nhà trước khi thảo luận nhóm trên lớp					
9	Các phần tình huống nên được sử dụng chung cho tất cả các lớp để đảm bảo tính công bằng					
10	Giảng viên nên cung cấp các nguồn tham khảo cho sinh viên để giải quyết các tình huống					

Ý kiến khác:

.....

.....

Chân thành cảm ơn ý kiến của các em!

PHỤ LỤC
RUBRIC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NÓI

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		MỨC 1 Điểm < 4.0	MỨC 2 Từ 4.0 đến 5.4	MỨC 3 Từ 5.5 đến 6.9	MỨC 4 Từ 7.0 đến 8.4	MỨC 5 Từ 8.5 đến 10
Nội dung	30%	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, các ý chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, có minh họa, lập luận nhưng đôi chỗ chưa phù hợp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Có minh họa, lập luận phù hợp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Có minh họa, lập luận phong phú, logic.
Độ chính xác (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp)	30%	Sử dụng từ ngữ nghèo nàn, phát âm và ngữ pháp không chuẩn, thường xuyên mắc lỗi, gây khó hiểu	Vốn từ sử dụng còn đơn giản. Sử dụng ngữ pháp còn chưa chính xác, phát âm còn sai nhiều từ.	Sử dụng từ vựng chưa phong phú, ngữ pháp và ngữ âm còn vài lỗi nhỏ nhưng vẫn có thể hiểu được.	Sử dụng từ ngữ phù hợp nhưng chưa đa dạng, Còn một số từ phát âm không rõ ràng.	Sử dụng từ ngữ phong phú, đa dạng, ngữ pháp và ngữ âm rõ ràng, chính xác.
Độ trôi chảy	20%	Không thể diễn đạt được ý: ngắt quãng, rời rạc.	Nói những từ đơn lẻ, rất chậm và ngắn.	Nói ngập ngừng vì phải nhớ lại và tìm kiếm từ.	Nói chưa thực sự trôi chảy, còn có lúc ngập ngừng.	Nói trôi chảy, ít ngập ngừng nhưng không gây cản trở giao tiếp.
Phong cách	20%	Trình bày không tự tin: rụt rè, lúng túng.	Trình bày thiếu tự tin, gây khó nghe, khó hiểu.	Trình bày còn chưa thực sự tự tin nhưng rõ ràng, dễ nghe, dễ hiểu	Trình bày tự tin, có sử dụng ngôn ngữ cơ thể.	Trình bày lời cuốn, tự tin, sử dụng tốt ngôn ngữ cơ thể.

PHỤ LỤC
GROUP ASSESSMENT

Assessment Group:

Names:

Group	Names	Comments	Mark	Notes
1	Hà Thị Kim Anh			
	Phạm Thanh Thảo			
	Nguyễn Thị Hương			
	Đào Anh Vũ			
	Đinh Thị Ngọc Anh			
2	Nguyễn Thị Thu Hiền			
	Bùi Nhật Minh			
	Đỗ Thị Phương Thùy			
	Nguyễn Thùy Linh			
	Phạm Thị Thùy Linh			
3	Đào Ngọc Bảo Linh			
	Dương Thị Phương Huyền			
	Phạm Hương Lan			
	Đinh Kiều Anh			
	ORLAVONG THINSOUDA			
4	Tạ Thị Hạnh			
	Bùi Thị Quỳnh Nga			
	Đinh Thị My			
	Phạm Ngọc Ánh			
5	Bùi Nguyễn Hà Phương			
	Vũ Thị Huyền Trang			
	Nguyễn Thị Thanh Loan			
	Phạm Thị Khánh Huyền			
6	Phạm Thị Mai Hoa			
	Vũ Thị Diệu			
	Đinh Thị Mai			
	Nguyễn Lâm Tùng			
	Phạm Quốc Huy			
7	Trần Thị Thu Hương			
	Phạm Ngọc Lan			
	Phạm Thị Kim Ngân			
	Trần Thị Hồng Nhung			
	Đào Nguyễn Khánh Hiền			
8	Vũ Khánh Linh			
	Đinh thị Ngân			
	Phạm Văn Đông			
	Nguyễn Thế Đại			
	VAENVONGTHONG THONGVERN			